



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,

Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (059) 6554604

Fax: (059) 3826365

Website: <http://www.geccom.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Năm báo cáo: 2015



MỤC LỤC

PHẦN A: THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI	4
Thông tin khái quát.....	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
Định hướng phát triển.....	9
Các rủi ro	10
PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015	12
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.....	12
Tổ chức và nhân sự.....	12
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	22
Tình hình tài chính.....	23
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	24
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	25
PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	29
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.....	29
Tình hình tài chính của công ty năm 2015	30
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	30
Kế hoạch phát triển tương lai	31
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	31
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	32
PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	34
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2015.....	34
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	36
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2016.....	37
PHẦN E: QUẢN TRỊ CÔNG TY	39
Hội đồng quản trị.....	39
Ban kiểm soát	42



PHẦN F: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	44
Ý kiến kiểm toán	44
Báo cáo tài chính được kiểm toán	45

PHẦN A: THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**
- Giấy CNĐKDN : số 5900181213 do Sở KH&ĐT Gia Lai cấp ngày 09/9/2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 11/11/2015.
- Vốn điều lệ : 744.903.390.000 đồng.
- Địa chỉ : 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại : (84.59) 6554.604
- Fax : (84.59) 3826.365
- Website : www.geccom.vn
- Mã cổ phiếu : **GEC**

Quá trình hình thành và phát triển:

- ❖ 01/6/1989: Khánh thành NMTĐ Ia Đrăng 2 - Thành lập Công ty thủy điện GL - KT
- ❖ 22/12/1992: Đổi tên thành Xí nghiệp thủy điện Ia Đrăng 2
- ❖ 20/4/1994: Đổi tên thành Công ty thủy điện Gia Lai
- ❖ 01/5/1995: Khánh thành NMTĐ Ia Lốp
- ❖ 24/10/1995: Đổi tên thành Công ty điện Gia Lai
- ❖ 15/02/2000: Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba
- ❖ 01/5/2001: Khánh thành NMTĐ AYun Hạ
- ❖ 01/6/2003: Khánh thành NMTĐ Ia Đrăng 1
- ❖ 01/6/2004: Đón nhận Huân chương Lao động Hạng hai
- ❖ 15/12/2005: Khánh thành NMTĐ Ia Đrăng 3 và NMTĐ Ia Muer 3
- ❖ 02/9/2006: Khánh thành NMTĐ H'Chan
- ❖ 22/12/2007: Khánh thành NMTĐ Đăk Pihao 2
- ❖ 15/12/2008: Khánh thành NMTĐ Ia puch 3
- ❖ 21/12/2009: Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất
- ❖ 09/9/2010: Đổi tên thành CTCP Điện Gia Lai
- ❖ 12/01/2011: Khánh thành NMTĐ H'Mun
- ❖ 31/12/2013: Khánh thành, đưa vào vận hành NMTĐ Đăkpihao 1
- ❖ 18/01/2013: Gia nhập thành viên Tập đoàn Thành Thành Công
- ❖ 26/10/2015: Khánh thành NMTĐ Thượng Lộ.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**2.1 Ngành nghề kinh doanh:**

- ❖ **Năng lượng:** Đầu tư, khai thác, quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện mặt trời, điện gió phân phối và kinh doanh bán lẻ điện năng.
- ❖ **Thí nghiệm điện:** Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, dây chuyên công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu cách điện, các loại mẫu dầu cách điện và dầu công nghiệp.
- ❖ **Cơ điện:** Lắp đặt thiết bị cơ điện các nhà máy thủy điện, chế tạo, sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và đường ống áp lực, cầu trục, cổng trục, mạ kẽm nhúng nóng, Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện,...
- ❖ **Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị:** Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp...
- ❖ **Xây dựng và xây lắp điện:** Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, giao thông, xây lắp và quản lý đường dây trạm biến áp đến 110 KV, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng.
- ❖ **Dịch vụ tư vấn:** Tư vấn, khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát thi công xây dựng các hạng mục công trình thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm biến áp, tư vấn dịch vụ kỹ thuật và thiết bị điện; quản lý vận hành thuê các nhà máy điện; phát triển công nghệ điện; Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình; Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- ❖ **Dịch vụ kỹ thuật:** Cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển.
- ❖ **Đầu tư tài chính dài hạn:** Góp vốn đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng và các ngành khác theo chiến lược phát triển của Công ty.

2.2 Địa bàn kinh doanh: Gia Lai, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty

3.1 Mô hình quản trị:

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có Ban kiểm soát theo quy định của luật doanh nghiệp 2014. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- i. Đại hội đồng cổ đông.
- ii. Hội đồng quản trị.
- iii. Ban kiểm soát.
- iv. Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

Hiện nay cơ cấu bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Điện Gia Lai bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và

quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát: bao gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 04 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Công ty.

Các phòng ban chức năng/nghiệp vụ/trung tâm/chi nhánh: là các đơn vị thực hiện chức năng nghiệp vụ chuyên môn giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc Quản lý và điều hành công ty.

3.3 Danh sách các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần đầu tư điện Tây Nguyên ❖ Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai. ❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện; Kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35 KV trở xuống; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng các công trình thủy	246.570	65.43%

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	lợi; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông; Trồng cây cao su; Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su; Mua bán bất động sản; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa.		
2	<p style="text-align: center;">Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai. ❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Giám sát thi công xây dựng các công trình xây dựng dân dụng – công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng thủy lợi – thủy điện. 	205.000	58,14%
3	<p style="text-align: center;">Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 189 Phạm Văn Đồng – P.Vỹ Dạ - TP Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế. ❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn hạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, Thiết kế các công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, Kỹ sư định giá hạng 2; Lập dự án đầu tư và quy hoạch các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi – thủy điện, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và lựa chọn nhà thầu 	145.310	38.57%

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
4	<p align="center">Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 189 Phạm Văn Đồng – P.Vỹ Dạ - TP Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế. ❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng công trình điện, công trình thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình giao thông đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị. 	37.809	52.90%
5	<p align="center">Công ty cổ phần Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai. ❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Xây dựng công trình công ích : Xây dựng công trình thủy lợi. 	9.000	65,33%
6	<p align="center">Công ty TNHH MTV Xây lắp & Cơ điện Gia Lai</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai. ❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Mua bán máy móc thiết bị điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế, máy móc thiết bị phụ tùng máy khai khoáng; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình công ích: thủy lợi, đập, đê; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: công trình thủy điện, công trình công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện: Thi công đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV, Thi công lắp đặt hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Cho thuê máy 	13.000	100,00%

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác...		
7	<p align="center">Công ty TNHH MTV Tư vấn và PTNL Gia Lai</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai. ❖ Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn thiết kế xây dựng, giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn thiết kế cơ điện công trình; Tư vấn giám sát công trình lắp đặt thiết bị công trình điện; Tư vấn thiết kế hệ thống điện, đường dây và trạm biến áp, lập quy hoạch, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cơ khí, đường dây và trạm biến áp 110 KV; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, dây chuyên công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu cách điện, các loại mẫu dầu cách điện và dầu công nghiệp; Tư vấn khảo sát địa hình, thiết kế công trình xây dựng cầu đường; Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình; Cung cấp dịch vụ tư vấn về công nghệ như tư vấn về kỹ thuật điện, tư vấn quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, máy móc, thiết bị điện. 	1.500	100,00%

4. Định hướng phát triển

- ❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Sử dụng mọi nguồn lực hiệu quả, tối ưu hóa giá trị gia tăng cho cổ đông, khách hàng và đối tác.
 - Mang lại thịnh vượng và hạnh phúc cho người lao động trong Công ty, phát huy năng lực sáng tạo, khả năng cống hiến của nhân viên trong môi trường làm việc tối ưu.
 - Tạo ra nguồn năng lượng xanh phục vụ cộng đồng, đóng góp tích cực cho địa phương và cộng đồng xã hội, phát triển theo định hướng bảo vệ môi trường.
- ❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Mục tiêu đến năm 2020
 - Sẽ đưa 8-10 nhà máy thủy điện mới vào hoạt động, nâng tổng công suất phát điện các nhà máy lên khoảng 271MW.
 - Triển khai hoàn tất dự án Phong điện tại Bến Tre với công suất khoảng 6MW và triển khai mở rộng quy mô công suất sau năm 2020.

- Triển khai các dự án Điện mặt trời với tổng công suất khoảng 10MW trong đó khoảng 3MW điện mặt trời lắp trên mái nhà và 7MW điện tập trung để bán cho EVN.
- Dịch vụ kỹ thuật – xây dựng – cơ khí: Xây dựng các đơn vị vệ tinh đủ khả năng đáp ứng yêu cầu về đầu tư phát triển của Công ty nhằm khép kín chuỗi giá trị đầu tư. Tiến tới cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ra phạm vi ngoài GEC Group.
- Tư vấn năng lượng: Mở rộng, phạm vi cung cấp dịch vụ tư vấn năng lượng điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng khác. Xây dựng các đơn vị tư vấn độc lập đủ năng lực tham gia các dự án trong và ngoài GEC Group.
- ❖ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
 - Đến năm 2020, GEC trở thành một trong những Tổng Công ty tổ chức đầu tư năng lượng tái tạo hàng đầu tại Việt Nam, trong đó tập trung nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư năng lượng điện tái tạo: điện gió, điện mặt trời và các giải pháp tiết kiệm năng lượng.
 - Tiếp tục phát triển và xây dựng công đoàn vững mạnh, tích cực tham gia các hoạt động đoàn hội và triển khai các chương trình đóng góp vì môi trường, xã hội, cộng đồng:
 - Tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo do các cơ quan đoàn thể địa phương tổ chức.
 - Tham gia đóng góp vốn thành lập quỹ xã hội - từ thiện TTC nhằm mục đích “Vì cộng đồng, phát triển địa phương”, hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học, từ thiện và nhân đạo vì mục đích phát triển cộng đồng; Hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của xã hội.
 - Hỗ trợ kinh phí xây dựng 10 căn nhà tình nghĩa trên địa bàn tỉnh Gia Lai với tổng số tiền tài trợ 500.000.000 đồng và tham gia các hoạt động từ thiện khác trên địa bàn tỉnh.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản lượng điện: Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do đó điều kiện thời tiết là yếu tố rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2015, hiện tượng El Nino kéo dài và ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều khu vực trên thế giới đã làm cho thời tiết khô hạn, lượng mưa thấp hơn so với trung bình nhiều năm từ đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, sản lượng điện sản xuất năm 2015 thấp hơn so với những năm trước.

- Về thị trường tiêu thụ:
 - ✓ Đối với các nhà máy thủy điện bán theo biểu phí tránh được, sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.
 - ✓ Đối với các nhà máy kinh doanh điện bán lẻ tại chi nhánh ChuPrông, do đặc thù về tính độc quyền và rào cản gia nhập hoạt động kinh doanh điện bán lẻ rất lớn của ngành

điện nên yếu tố cạnh tranh tại khu vực ChuPrông rất thấp, ở thời điểm hiện tại chưa ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Nhu cầu điện hiện nay: Do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên, trong trường hợp nền kinh tế thế giới không ổn định gây tác động đến nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.
- Giá bán điện: Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay biểu giá bán điện cho EVN được Nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của Nhà nước.
- Biến động lãi suất: các dự án do Công ty đã và đang đầu tư đều sử dụng nguồn tài trợ từ các ngân hàng thương mại. Do đó, biến động lãi suất trên thị trường tài chính sẽ tác động đến chi phí tài chính, từ đó gây ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty

Những thay đổi trong chính sách điều hành vĩ mô: quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện như: thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư, vận hành khai thác... Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng và hoàn thành các nhà máy điện.

Mục tiêu chính trong thời gian tới, bên cạnh công tác đầu tư và M&A các dự án thủy điện, Công ty sẽ khai thác nguồn năng lượng gió, năng lượng mặt trời. Tuy nhiên chính sách và khung điều tiết để khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo hiện nay là chưa đủ để tạo ra động lực cần thiết thúc đẩy ngành năng lượng tái tạo tại Việt Nam làm cho tính kinh tế của nguồn năng lượng tái tạo chưa thực sự hấp dẫn. Cùng với đó là các rào cản liên quan tới cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, việc áp dụng và chuyển giao công nghệ... đã hạn chế việc triển khai các dự án năng lượng tái tạo.

Theo định hướng trung và dài hạn, Công ty sẽ tập trung đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo để phát triển theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường. Với định hướng này, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, đem lại lợi ích ngày càng lớn cho cộng đồng, cộng đồng và xã hội, đồng thời nguồn năng lượng sản xuất thân thiện môi trường, giảm biến đổi khí hậu.

PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

Năm 2015 El Nino đã ảnh hưởng lớn đến tình hình thời tiết của Việt Nam, thiếu hụt lượng mưa trong chính mùa mưa ở khu vực Tây Nguyên (từ tháng 9 đến tháng 11) từ 20%-50% và kết thúc sớm hơn. Lưu lượng nước về các nhà máy trong năm 2015 khá thấp, sản lượng điện sản xuất giảm khá nhiều so với các năm trước.

Tháng 9/2015, Nhà máy thủy điện Thượng Lộ chính thức vận hành thương mại đã nâng công suất phát điện toàn hệ thống lên 84,37MW với 15 nhà máy thủy điện, góp phần gia tăng sản lượng và doanh thu sản xuất điện cho toàn hệ thống.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đạt được trong năm 2015 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 391 tỷ đồng, bằng 101% so với 2014.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 148 tỷ đồng, cao hơn 16% so với 2014.

Doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2015 vượt cao so với kế hoạch chủ yếu do nguồn thu từ hoạt động tài chính, và thu lại thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng các năm trước.

Cơ cấu tài sản hợp nhất đến ngày 31/12/2015:

Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tài chính hiệu quả với tổng nguồn vốn hợp nhất khoảng 1.885 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ tài trợ bằng nợ vay duy trì ở mức 38% và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn luôn được đảm bảo, duy trì ở mức 2,36 lần.

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị	Chỉ tiêu	Giá trị
Tài sản ngắn hạn	484,5	Nợ ngắn hạn	205,2
		Nợ dài hạn	518,0
Tài sản dài hạn	1.400,7	Vốn chủ sở hữu	886,5
		Lợi ích cổ đông thiểu số	275,5
Tổng tài sản	1.885,2	Tổng nguồn	1.885,2

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban Điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ học vấn	Trình độ chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu (CP)
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC					
Lê An Khang	Tổng giám đốc	12/12/1981	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	0
Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng giám đốc	14/03/1963	Cử nhân	Kỹ thuật điện	0



Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ học vấn	Trình độ chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu (CP)
Phan Thanh Lạc	Phó Tổng giám đốc	03/08/1960	Cử nhân	Kế toán - Tài chính	186,449
Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	30/03/1980	Cử nhân	Ngoại ngữ	0
Hà Nguyên Hoàng	Giám đốc khối kỹ thuật	01/01/1983	Thạc sĩ	Tự động hóa	
VĂN PHÒNG CÔNG TY					
Nguyễn Đăng Khoa	Phó PT Văn phòng	13/02/1983	Cử nhân	Tài chính – Ngân hàng	0
PHÒNG NHÂN SỰ					
Đặng Thị Hiền Đức	Trưởng phòng	13/08/1979	Cử nhân	Cử nhân luật	0
PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ					
Nguyễn Trung Phong	Phó phòng	07/07/1977	Cử nhân	Kỹ thuật điện	
PHÒNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ					
Hàn Phi Hải	Quyền T.Phòng	05/07/1978	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	
PHÒNG QUẢN LÝ DỰ ÁN					
Hồ Quý Tri Thức	Phó phòng	10/02/1973	Cử nhân	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT					
Trịnh Vinh Thanh	Phó Phòng	08/05/1977	Cử nhân	Điện kỹ thuật	
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN					
Trần Thị Phương	Trưởng phòng	26/11/1978	Cử nhân	Kế toán	68,311
Nguyễn Thị Mỹ Dung	Phó phòng	01/11/1983	Cử nhân	Kế toán	
PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ					
Trần Nguyễn Hoàn	Trưởng phòng	20/12/1981	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	0
Nguyễn Hoài An	Phó Phòng	06/07/1983	Cử nhân	Tài chính - doanh nghiệp	
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ					
Mai Xuân Phong	Phó Giám đốc	08/06/1965	Cử nhân	Cơ khí ô tô	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ học vấn	Trình độ chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu (CP)
Nguyễn Thế Điền Dũng	Phó Giám đốc	02/09/1981	Cử nhân	Kỹ thuật điện	0

2.2. Sơ yếu lý lịch:**❖ Tổng Giám đốc công ty:**

Họ và tên	:	LÊ AN KHANG
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	12/12/1981
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Số CMND	:	311635876 Ngày cấp: 01/09/2008 tại Tiền Giang
Nguyên quán	:	Bình Đức – Châu Thành – Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	:	Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Số điện thoại liên lạc	:	0915431768
Hộp thư (Email)	:	khangla@geccom.vn
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Kinh tế phát triển
Quá trình công tác		
- Từ tháng 01/2015 đến nay	:	Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 10/2014 đến tháng 01/2015	:	Phó Tổng Giám đốc TT Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 07/2013 đến tháng 10/2014	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đường Biên Hòa
- Từ tháng 06/2013 đến tháng 07/2013	:	Trợ lý CT.HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa
- Từ tháng 02/2013 đến tháng 05/2013	:	Giám đốc khối Công ty CP Bourbon Tây Ninh
- Từ tháng 07/2011 đến tháng 01/2013	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đường Ninh Hòa
- Từ 2008 đến tháng 06/2011	:	Giám đốc CTCP khai thác & QL KCN Đặng Huỳnh
- Từ 2004 đến 2008	:	CV kế hoạch Công ty Bay dịch vụ hàng không
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	:	CT.HĐQT Công ty CP Thủy Điện Gia Lai TV.HĐQT Công ty CP Thủy điện Trường Phú TV.HĐQT Công ty CP Thủy điện Thượng Lộ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai Chủ tịch Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển năng lượng Gia Lai.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không



❖ **Phó Tổng Giám đốc công ty:**

Họ và tên : **NGUYỄN ĐÌNH TUẤN**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 14/03/1963
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 230690452 Ngày cấp: 11/03/2010 tại Gia Lai
Nguyên quán : Hoài Tân - Hoài Nhơn - Bình Định
Địa chỉ thường trú : 112 Lê Thánh Tôn, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số điện thoại liên lạc : 0913450491
Hộp thư (Email) : tuannnd@geccom.vn
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện
Quá trình công tác
Từ tháng 04/2011 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 06/2008 đến tháng 03/2011 : Giám đốc Công ty CP Thủy điện Gia Lai
- Từ tháng 08/2002 đến tháng 05/2008 : Giám đốc Cty TNHH ĐT và PT điện Gia Lai
- Từ tháng 01/2002 đến tháng 07/2002 : Trưởng phòng KTVT – XD CB
- Từ tháng 01/1999 đến tháng 12/2001 : Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện Gia Lai
- Từ tháng 01/1994 đến tháng 12/1998 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai
- Từ tháng 09/1990 đến tháng 12/1993 : Nhân viên kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : CT.HĐQT Công ty CP Thủy điện Thượng Lộ
TV.HĐQT Công ty CP Thủy điện Gia Lai
TV.HĐQT Công ty CP thủy điện Trường Phú
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không



Họ và tên : **PHAN THANH LẠC**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 03/08/1960
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 230681756 Ngày cấp: 27/08/2003 tại CA Gia Lai
Nguyên quán : Giao Xuân – Giáo Thủy – Nam Định
Địa chỉ thường trú : 14 Sư Vạn Hạnh, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số điện thoại liên lạc : 0913450490
Hộp thư (Email) : lacpt@geccom.vn
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác
- Từ tháng 01/2011 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010 : KTT – TP. TC-KT Công ty CP điện Gia Lai
- Từ tháng 01/1995 đến tháng 09/2010 : KTT – TP. Kinh tế kế hoạch Cty Điện Gia Lai
- Từ 1983 đến tháng 12/1994 : Kế toán Sở Thủy lợi Gia Lai – Kon Tum
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : CT. HDQT Công ty CP Đầu tư điện Tây Nguyên
CT. HDQT Công ty CP Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không



Họ và tên : **NGUYỄN MINH TUẤN**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 30/03/1980
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 023508128 Ngày cấp: 14/11/2012 tại CA TP.HCM
Nguyên quán : Hà Nội
Địa chỉ thường trú : 53 Đoàn Giỏi, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM
Số điện thoại liên lạc : 0913838789
Hộp thư (Email) : tuannm@geccom.vn
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại ngữ thương mại
Quá trình công tác
- Từ tháng 11/2015 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 01/2014 đến 10/2015 : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre
- Từ tháng 03/2010 đến tháng 01/2014 : Giám đốc dự án Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
- Từ tháng 08/2007 đến tháng 03/2010 : Chuyên viên cấp cao Công ty GAMUDA LAND Việt Nam
- Từ 2006 đến 2007 : Quản lý dự án Công ty TNHH GENUWIN D&C
- Từ 2005 đến 2006 : Chuyên viên quảng cáo Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
- Từ 2002 đến 2004 : Nhân viên Casino Tập đoàn GENTING/STARCRUISES
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không



❖ **Giám đốc Khôi Kỹ thuật:**

Họ và tên	:	HÀ NGUYỄN HOÀNG
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/01/1983
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Số CMND	:	211739931 Ngày cấp: 25/01/2010 tại Bình Định
Nguyên quán	:	
Địa chỉ thường trú	:	Số 172/18 Trường Chinh, Pleiku, Gia Lai
Số điện thoại liên lạc	:	0984478460
Hộp thư (Email)	:	hoanghn@geccom.vn
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện, Thạc sỹ Tự động hóa
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 01/2015 đến nay	:	Giám đốc khôi kỹ thuật kiêm Giám đốc Trung tâm phát triển Công nghệ, Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 12/2014 đến nay	:	Giám đốc Trung tâm phát triển Công nghệ, Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 01/2013 đến tháng 06/2013	:	Phó giám đốc phụ trách Trung tâm phát triển Công nghệ - Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 09/2010 đến tháng 12/2012	:	Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 10/2005 đến tháng 9/2010	:	Nhân viên Phòng KT-VT-XDCB Công ty Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Giám đốc khôi kỹ thuật kiêm Giám đốc Trung tâm phát triển Công nghệ Công ty CP Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	:	TV.HĐQT Công ty CP Thủy Điện Gia Lai
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty	:	Không



❖ **Kế toán trưởng:**

Họ và tên : TRẦN THỊ PHƯƠNG
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 26/11/1978
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND : 230 524 800 Ngày cấp: 14/5/2011 tại CA Gia Lai
Nguyên quán :
Địa chỉ thường trú : 176 Cách mạng Tháng 8, TP Pleiku, Gia Lai
Số điện thoại liên lạc : 0914612636
Hộp thư (Email) : phuongtt@geccom.vn
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác
- Từ tháng 12/2010 đến nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT – Cty CP Điện Gia Lai
- Từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2010 : Phó phòng tài chính kế toán – Công ty cổ phần Điện Gia Lai
- Từ tháng 11/2009 đến tháng 9/2010 : Phó phòng kinh tế kế hoạch – Công ty Điện Gia Lai
- Từ tháng 2/2002 đến tháng 10/2009 : Nhân viên kế toán – Công ty Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT – Cty CP Điện Gia Lai
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác :
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
Quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

- Bổ nhiệm ông Lê An Khang giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty kể từ ngày 05/01/2015.
- Ông Tân Xuân Hiến từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty kể từ ngày 05/01/2015.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Công ty kể từ ngày 10/11/2015.

2.4. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2015:

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2015: là 281 CBCNV.

Cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ			
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	5	1.78%
2	Cán bộ có trình độ đại học	105	37,37%
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng	13	4,63%
4	Cán bộ có trình độ trung cấp	27	9,61%
5	Cán bộ có trình độ sơ cấp/CNKT	103	36,65%
6	Lao động phổ thông/lao động khác	28	9,96%
Phân loại theo phòng ban chức năng			
1	Ban Tổng Giám đốc	5	1.78%
2	Văn phòng công ty	9	3.2%
3	Phòng Tài chính – Kế toán	13	4.63%
4	Phòng Nhân sự	5	1.78%
5	Phòng Hành chính quản trị	23	8.19%
6	Phòng Kế hoạch Đầu tư	7	2.49%
7	Phòng Kỹ thuật sản xuất	12	4.27%
8	Phòng Kiểm soát nội bộ	5	1.78%
9	Phòng Quản lý dự án	9	3.2%
10	Trung tâm phát triển công nghệ	8	2.85%

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
11	Cán bộ biệt phái	8	2.85%
12	Chi nhánh Hồ Chí Minh	2	0.71%
13	Chi nhánh Chư Prông	77	27.4%
14	Chi nhánh Lâm Đồng	23	8.19%
15	Chi nhánh Ayun Hạ	56	19.93%
16	Chi nhánh Mang Yang	19	6.75%
Tổng cộng		281	100%

- Chính sách đối với người lao động:

- ✓ Công ty quan niệm con người là tài sản quan trọng nhất để doanh nghiệp có thể đứng vững và phát triển. Đề tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn Nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương.
- ✓ Về chế độ chi trả thu nhập: Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả CBCNV Công ty. Đồng thời, thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực thủy điện có 01 đơn vị vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế, GHC và TIC hoàn thành 97% kế hoạch lợi nhuận được giao, cụ thể:

DVT: Tỷ đồng

Công ty	Tổng doanh thu 2015			LN trước thuế 2015		
	KH	TH	TH/KH	KH	TH	TH/KH
GHC	127,90	127,51	100%	71,18	69,37	97%
TIC(*)	38,31	43,53	114%	34,77	33,76	97%
GBC	5,38	5,69	106%	1,30	1,49	115%
GTLC		7,30			2,08	
GCC	41,32	37,18	90%	2,10	1,03	49%
TVNL	4,43	4,82	109%	1,03	1,10	107%

(*) Doanh thu TIC vượt kế hoạch do thay đổi trong cách ghi nhận chi trả liên doanh theo quy định của thông tư 200.

Tình hình tài chính
DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	GHC	TIC	GBC	GTLC	GCC	TVNL
Tài sản ngắn hạn	100,71	63,16	1,69	11,62	47,57	2,80
Tài sản dài hạn	316,30	196,00	18,75	134,80	8,08	0,30
Tổng tài sản	417,01	259,16	20,44	146,42	55,65	3,11
Nợ ngắn hạn	89,58	30,69	2,63	22,31	38,78	0,70
Nợ dài hạn	33,50	-	8,56	84,39	2,96	-
Vốn chủ sở hữu	293,94	228,47	9,26	39,72	13,92	2,41
Tổng nguồn vốn	417,01	259,16	20,44	146,42	55,65	3,11

Nhìn chung các Công ty con của GEC đều duy trì cơ cấu tài chính khá an toàn và đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty.

4. Tình hình tài chính của Công ty năm 2015:
4.1. Báo cáo tình hình tài chính:
DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản:	1,710,342	1,885,188	10.22%
Tổng doanh thu:	383,389	388,714	1.39%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:	132,060	147,793	11.91%
Lợi nhuận khác:	(4,060)	716	117.63%
Lợi nhuận trước thuế:	128,000	148,509	16.02%
Lợi nhuận sau thuế:	113,167	132,320	16.92%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.49	2.36	

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2.41	2.31	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.37	0.38	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.60	0.62	
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9.07	13.23	
Tổng doanh thu/Tổng tài sản	0.22	0.21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	0.30	0.34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:	0.11	0.11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	0.07	0.07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần:	0.34	0.38	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần: Đến thời điểm 31/12/2015, tổng số cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần : 74,490,339 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 74,490,339 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông: Đến thời điểm 31/12/2015, cơ cấu cổ đông như sau:

Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	52,901,419	71.02	5	4	1
	- Trong nước	52,901,419	71.02	5	4	1

	- Nước ngoài	0	0.00			
2	Cổ đông sở hữu < 5% vốn CP					
	- Trong nước	21,588,920	28.98	315	7	308
	- Nước ngoài	0		0		
TỔNG CỘNG		74,490,339	100.00	320	11	309

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2015 Công ty đã thực hiện các quyền cho cổ đông dẫn đến thay đổi vốn điều lệ, cụ thể như sau :

- Ngày 22/7/2015 Công ty đã chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức và cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20%, trong đó cổ tức bằng cổ phiếu là 11% và cổ phiếu thưởng là 9%. Tương ứng với Tổng số cổ phần phát hành thêm: 12.025.869 cổ phần, nâng tổng số cổ phần lưu hành lên 72.156.097 cổ phần.
- Ngày 01/10/2015 Công ty đã làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập hai Công ty Cổ phần Ayun Thượng và Công ty Cổ phần Điện Cao Su Gia Lai vào Công ty Cổ phần Điện Gia Lai cho 122 cổ đông với tổng số cổ phần hoán đổi là : 2.334.242 cổ phần, nâng tổng số cổ phần lưu hành lên 74.490.339 cổ phần.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.

5.5. Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, truyền tải, phân phối và bán lẻ điện năng nên không có nguồn nguyên vật liệu.
- b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp. Công ty sử dụng năng lượng điện phát ra từ các nhà máy thủy điện hoặc mua điện từ lưới điện quốc gia để phục vụ sản xuất, vận hành phát điện bao gồm điện tự dùng chiếu sáng, sinh hoạt của cán bộ nhân viên; khu làm việc, sản xuất của các Chi nhánh; điện năng phục vụ vận hành, sửa chữa thiết bị, vận hành thao tác đóng mở thiết bị phụ trong các nhà máy thủy điện.

Trong năm 2015, tổng lượng tiêu thụ điện năng toàn Công ty bao gồm tòa nhà văn phòng và các nhà máy thủy điện là 316.329 kWh, tương ứng với tổng chi phí là 514.298.767 đồng.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. Không có.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Trong năm 2015, Công ty đã xây dựng kế hoạch triển khai lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời tại trụ sở để tiết kiệm năng lượng và sẽ triển khai thực hiện trong năm 2016.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

Công ty không tiêu thụ nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không có.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với các nhà máy thủy điện trong Công ty, thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định và thực hiện báo cáo định kỳ đầy đủ cho cơ quan chức năng. Công ty thực hiện các chương trình trồng cây xanh, trồng cỏ tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, thân thiện với môi trường. Công ty thực hiện đầy đủ việc trồng rừng thay thế cho các diện tích đất rừng đã sử dụng vào các dự án thủy điện của Công ty và nộp đầy đủ tiền thuế tài nguyên nước, tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định của Pháp luật. Do đó, trong năm 2015, Công ty không bị xử phạt vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- Tổng số lao động của Công ty đến cuối năm 2015 là 281 người, trong đó lao động làm công tác gián tiếp sản xuất là 106 người và lao động trực tiếp sản xuất là 175 người. Thu nhập bình quân người lao động đạt 10 triệu đồng/người/tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - ✓ Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.
 - ✓ Xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV.
 - ✓ Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát, khuyến khích CBCNV nghỉ phép để phục hồi sức lao động. Phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa, văn nghệ, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV.
- Hoạt động đào tạo người lao động

- ✓ Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác đào tạo đội ngũ CBCNV, Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đối với cán bộ, chuyên viên và đào tạo phát triển công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đồng thời thường xuyên cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm đảm bảo CBCNV có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.
- ✓ Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác đầu tư đào tạo phát triển nguồn nhân lực đặc biệt công tác xây dựng lực lượng kế thừa có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty.
- ✓ Nhằm chuẩn bị kịp thời nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập phát triển trong thời đại mới. Công ty đã liên kết với Trung tâm anh ngữ mời giảng viên nước ngoài và Việt Nam về đào tạo Tiếng Anh cho cán bộ nhân viên công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Với quan niệm: Thực hiện trách nhiệm xã hội, vừa là đóng góp của doanh nghiệp cho xã hội, vừa là một lợi ích tự thân, củng cố khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nơi mà các chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh đã trở thành một hàm lượng bắt buộc trong từng sản phẩm. Trong năm 2015, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động vì cộng đồng nhằm đóng góp phần nào vào sự phát triển của địa phương, tương thân tương ái, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, cụ thể như sau:

STT	Nội dung chương trình	Chi phí tài trợ ĐVT : VNĐ	Địa bàn tài trợ
1	Tài trợ Quỹ Hỗ trợ trẻ em	5.000.000	Gia Lai
2	Ứng Hộ Gia đình chính sách	5.000.000	Gia Lai
3	Tài trợ chương trình Mùa xuân chiến sĩ thi đua 2015	2.150.000	Gia Lai
4	Ứng hộ gia đình CBNV gặp khó khăn và mắc bệnh hiểm nghèo	60.000.000	Gia Lai
5	Tham gia tài trợ xây cầu chương trình "Nói những bờ vui"	87.000.000	Bến Tre
Tổng cộng		159.150.000	

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 – 2020, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai đã sớm triển khai các biện pháp nhằm xanh hóa sản xuất, đẩy mạnh đầu tư các dự án phát triển năng lượng tái tạo tạo tiền đề vững chắc để phát triển bền vững:

- Trong năm 2015, Công ty đã công nhận 4 đề tài, giải pháp nghiên cứu công nghệ nhằm cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Các đề tài, giải pháp đã đem lại hiệu quả cao, chủ động trong công tác sửa chữa, thay thế, khắc phục sự cố tại các nhà máy đồng thời hướng tới làm chủ công nghệ và thương mại hóa sản phẩm trên thị trường.

- Hiện tại Công ty đã triển khai xây dựng thành công hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại trụ sở Công ty Cổ phần đầu tư Thành Thành Công và dự kiến triển khai lắp đặt đồng bộ ra toàn GEC và Công ty thành viên, các tòa nhà, nhà máy, xí nghiệp nhằm tiết kiệm năng lượng và chi phí của Công ty, chuyển đổi sử dụng sang nguồn năng lượng tái tạo.
- Phối hợp với các công ty mía đường phát triển hệ thống điện năng lượng mặt trời Rooftop kết hợp tưới mía cho người nông dân, nghiên cứu phát triển công nghệ tiên tiến với giá thành hợp lý, giúp người nông dân cải tiến kỹ thuật sản xuất, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.
- Các chi nhánh, nhà máy thủy điện căn cứ chủ trương của địa phương và kế hoạch tưới tiêu mùa vụ của nông dân xây dựng kế hoạch sử dụng nước hợp lý vừa đảm bảo phát điện và đáp ứng nhu cầu thủy lợi tưới tiêu của người dân.

PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:
❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh điện

- Do ảnh hưởng của tình trạng hạn hán kéo dài trong năm nên sản lượng điện các nhà máy đều thấp hơn so với cùng kỳ 2014. Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 277 tr.kWh, thực hiện 88% so với kế hoạch và 83% so với cùng kỳ 2014.
- Công tác vận hành: trong năm Công ty đã tích cực triển khai công tác điều tiết nước phát điện giờ cao điểm trong mùa khô tại các cụm Ayun Hạ và ĐaKhai. Riêng cụm ChuPrông phối hợp điều tiết công suất để giảm sản lượng điện mua từ PC Gia Lai.
- Công tác sửa chữa định kỳ: do những khó khăn trong hoạt động sản xuất điện (ảnh hưởng bởi hạn hán) nên công tác sửa chữa trong năm Công ty đã chủ động tiết giảm chi phí, ưu tiên triển khai các hạng mục cấp thiết.
- Công tác chống tổn thất: tổn thất hạ thế cụm ChuPrông giảm xuống mức 5,38% so với mức 5,9% cùng kỳ năm 2014 do công ty thường xuyên kiểm tra xử lý các trạm biến áp có tổn thất lớn và triển khai hoàn thành công tác cải tạo lưới điện ChuPrông.
- Công tác phát triển khách hàng cụm ChuPrông: phát triển mới 508 khách hàng hoàn thành kế hoạch đặt ra (500 khách hàng mới), tăng tổng sản lượng điện bán lẻ lên 18,5 tr.kWh cao hơn 12% so với năm 2014.

❖ Hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật và phát triển công nghệ:

- Doanh thu của hoạt động cung cấp dịch vụ hợp nhất đạt gần 13,2 tỷ đồng, cao hơn so với doanh thu 5,3 tỷ đồng năm 2014.
- Về sản phẩm dịch vụ gồm: dịch vụ kỹ thuật tại các nhà máy thủy điện, dịch vụ sửa chữa, dịch vụ tư vấn triển khai hệ thống SCADA, dịch vụ lắp đặt cải tạo hệ thống điện năng, dịch vụ quản lý vận hành, tư vấn chuyển giá bán điện theo biểu phí tránh được, dịch vụ quản lý doanh nghiệp, thí nghiệm điện – điện tử...
- Về khách hàng gồm: các công ty thành viên của GEC, các Công ty trong Tập đoàn và một số khách hàng bên ngoài.
- Bên cạnh đó, Công ty đã công nhận 4 đề tài, giải pháp nghiên cứu công nghệ nhằm cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Các đề tài, giải pháp đã đem lại hiệu quả cao, chủ động trong công tác sửa chữa, thay thế, khắc phục sự cố tại các nhà máy đồng thời hướng tới làm chủ công nghệ và thương mại hóa sản phẩm trên thị trường.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015
Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	GEC hợp nhất		
	TH2015	TH 2014	SS TH 2014
Tổng doanh thu	391,3	387,0	101%
Doanh thu bán hàng & CCDV	354,3	338,8	105%
Doanh thu hoạt động tài chính	34,4	44,6	77%

Doanh thu khác	2,7	3,0	75%
Tổng chi phí	242,9	259,0	94%
Giá vốn bán hàng & CCDV	157,3	134,5	117%
Chi phí tài chính	41,4	76,3	54%
Chi phí bán hàng	0,05	0,2	25%
Chi phí khác	2	7,1	26%
Chi phí QLDN	42,1	40,4	104%
LNTT	148,5	128,0	116%
LNST	132,3	113,2	117%

2. Tình hình tài chính của Công ty năm 2015:

2.1. Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
A. Tài sản ngắn hạn	434,931	484,517	11%
B. Tài sản dài hạn	1,275,411	1,400,671	10%
C. Tổng tài sản	1,710,342	1,885,188	10%
D. Nợ phải trả	639,461	723,193	13%
E. Vốn chủ sở hữu	1,070,880	1,161,996	9%
F. Tổng nguồn vốn	1,710,342	1,885,188	10%

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả năm 2015 chiếm 38% tổng tài sản của Công ty, tăng 13% so với năm 2014, chủ yếu do giải ngân vốn đầu tư cho dự án thủy điện Alin B1 và thủy điện Thượng Lộ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1 Cơ cấu tổ chức:

- Dưới sự quản trị của Hội Đồng Quản Trị; sự giám sát của Ban Kiểm Soát và điều hành của Ban Tổng giám đốc, trong năm 2015 Công ty đã tiến hành tái cấu trúc công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và các đơn vị thành viên để chuẩn bị triển khai các nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 và gia tăng tính chuyên môn hóa cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Thực hiện thành công công tác sáp nhập Công ty Cổ phần Ayun Thượng và Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai vào Công ty Cổ phần Điện Gia Lai. Việc sáp nhập 02 đơn vị thành viên này từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng quy mô và phát triển năng lực sản xuất theo định hướng chiến lược phát triển của GEC.
- Trong năm 2015, công ty đã tiến hành bổ nhiệm 32 cán bộ quản lý (tại GEC 14 cán bộ) bao gồm bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty nhằm tăng cường công tác điều hành, quản lý các hoạt động của Công ty được xuyên suốt, hiệu quả, quản lý tốt rủi ro.

- Thực hiện sắp xếp điều chuyển văn phòng các CTTV về trụ sở GEC đảm bảo công tác quản lý tập trung.

3.2 Công tác xây dựng cơ chế chính sách, quản lý:

- Hệ thống văn bản nội bộ của công ty được ban hành khá đầy đủ, đảm bảo các mảng hoạt động/nghiệp vụ chính, các hoạt động có khả năng phát sinh rủi ro như xây dựng và quản lý dự án đều đã và đang được triển khai hướng dẫn cụ thể bằng những quy trình, quy định.
- Việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình được tiến hành thường xuyên, đảm bảo tính phù hợp của quy định nội bộ với thực tiễn hoạt động. Trong năm 2015, Công ty đã điều chỉnh Điều lệ cho GEC và các CTTV phù hợp theo quy định Luật doanh nghiệp 2015; tiến hành rà soát và ban hành thêm 135 văn bản lập quy, bao gồm: 2 chính sách, 27 quy chế, 23 quyết định, 72 quy trình và 11 hướng dẫn nhằm tạo hành lang pháp lý giúp cho quá trình quản trị và điều hành của công ty được hiệu quả và triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch lập quy 2015 của Công ty.
- Tổ chức hướng dẫn áp dụng các văn bản lập quy đến công tác quản lý dự án cho nhóm các CTTV đang triển khai dự án Thủy điện.
- Tham gia công tác pháp lý tư vấn pháp lý cho các Dự án đang triển khai, thẩm định các hợp đồng kinh tế nhằm đảm bảo tính pháp lý và lợi ích của Công ty.
- Triển khai các khóa đào tạo nội bộ về chính sách mới của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu đến năm 2020

- Sẽ đưa 8-10 nhà máy thủy điện mới vào hoạt động, nâng tổng công suất phát điện các nhà máy lên khoảng 271MW.
- Triển khai hoàn tất dự án Phong điện tại Bến Tre với công suất khoảng 6MW và triển khai mở rộng quy mô công suất sau năm 2020.
- Triển khai các dự án Điện mặt trời với tổng công suất khoảng 10MW trong đó khoản 3MW điện mặt trời lắp trên mái nhà và 7MW điện tập trung để bán cho EVN.
- Dịch vụ kỹ thuật – xây dựng – cơ khí: Xây dựng các đơn vị vệ tinh đủ khả năng đáp ứng yêu cầu về đầu tư phát triển của Công ty nhằm khép kín chuỗi giá trị đầu tư. Mở rộng đối tượng khách hàng cung cấp dịch vụ kỹ thuật ra bên ngoài Công ty.
- Tư vấn năng lượng: Tăng cường công tác tư vấn QLDA tại các dự án do GEC và các CTTV trực thuộc đang triển khai đồng thời hướng tới cung cấp dịch vụ cho các Công ty bên ngoài. Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tư vấn năng lượng điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng khác với quy mô. Xây dựng các đơn vị tư vấn độc lập đủ năng lực tham gia các dự án trong và ngoài Công ty.
- Nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ đối với các lĩnh vực năng lượng mới.
- Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực theo hướng tập trung nâng cao chất lượng đào tạo đặc biệt đối với lĩnh vực năng lượng mới.
- Tiếp tục phát triển và xây dựng công đoàn vững mạnh, tích cực tham gia các hoạt động đoàn hội và triển khai các chương trình đóng góp vì môi trường, xã hội, cộng đồng.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

Theo dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia, diễn biến phức tạp của hiện tượng El Nino 2015 có thể sẽ tiếp tục kéo dài cuối tháng 5/2016. Lượng mưa ở khu vực Tây Nguyên đến tháng 4/2016 khả năng ở mức thấp hơn so với trung bình nhiều năm khoảng 20-40%, có thể ảnh hưởng lớn tới khả năng phát điện các nhà máy của GEC trong 6 tháng đầu năm 2016. Do vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất thủy điện, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển các nguồn thu từ hoạt động công nghiệp hỗ trợ, các dự án năng lượng tái tạo mới. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cụ thể như sau:

❖ Hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng

- ✓ Tổng sản lượng kế hoạch : 345,2 triệu kWh, thực hiện năm 2015 là 277 triệu kWh, tăng 25%
- ✓ Tổng doanh thu bán điện kế hoạch : 365,9 tỷ đồng, thực hiện năm 2015 là 306 tỷ đồng, tăng 20%

❖ Hoạt động đầu tư dự án

Với định hướng phát triển mạnh trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, trong năm 2016 Công ty sẽ tiếp tục tập trung triển khai công tác tư vấn và quản lý dự án công trình thủy điện Alin B1 (46MW), thủy điện Alin Thượng (3MW) và triển khai các dự án năng lượng tái tạo có tiềm năng:

- Hoàn thành bổ sung quy hoạch chủ trương đầu tư dự án thủy điện Alin Thượng và các thủ tục liên quan để khởi công xây dựng;
- Đảm bảo tiến độ thi công các hạng mục đường hầm, cụm đầu mối, nhà máy, đường dây truyền tải điện và công tác đền bù giải phóng mặt bằng dự án thủy điện Alin B1;
- Dự án Điện gió tại Bến Tre: hoàn thành các thủ tục pháp lý để triển khai các dự án (báo cáo nghiên cứu khả thi, thỏa thuận mua bán điện, lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng...);
- Dự án điện mặt trời hoàn thành các thủ tục pháp lý để khảo sát, bổ sung quy hoạch và cấp chứng nhận đầu tư tại các khu vực có tiềm năng (Gia Lai, Ninh Thuận, Huế...);
- Tiếp tục triển khai công tác M&A các dự án thủy điện do Tập đoàn Cao su Việt Nam thoái vốn.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, truyền tải, phân phối và bán lẻ điện năng nên không có nguồn nguyên vật liệu. Công ty sử dụng năng lượng điện phát ra từ các nhà máy thủy điện hoặc mua điện từ lưới điện quốc gia để phục vụ sản xuất, vận

- hành phát điện, hiện tại Công ty đang có kế hoạch triển khai lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời tại trụ sở để tiết kiệm năng lượng và sẽ triển khai thực hiện trong năm 2016.
- Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước và pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với các nhà máy thủy điện trong Công ty, thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định và thực hiện báo cáo định kỳ đầy đủ cho cơ quan chức năng. Công ty thực hiện các chương trình trồng cây xanh, trồng cỏ tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, thân thiện với môi trường. Công ty thực hiện đầy đủ việc trồng rừng thay thế cho các diện tích đất rừng đã sử dụng vào các dự án thủy điện của Công ty và nộp đầy đủ tiền thuế tài nguyên nước, tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định của Pháp luật.
 - Trong năm 2015, Công đoàn công ty đã hoạt động tích cực nhằm chăm lo đời sống CBNV: tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tham quan du lịch cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty. Thường xuyên thăm hỏi và có kế hoạch ủng hộ đến gia đình CBNV có hoàn cảnh khó khăn.
 - Trong năm 2015, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động vì cộng đồng nhằm đóng góp phần nào vào sự phát triển của địa phương, tương thân tương ái, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn. Đây là một nghĩa cử tốt đẹp, thể hiện truyền thống tinh thần tương thân tương ái của Công ty.

PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế - xã hội năm 2015 Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Tổng cục thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. Tính chung cả năm 2015, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 9,8% so với năm 2014, trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,4%.

Đối với ngành thủy điện trong năm 2015, tình hình khí tượng thủy văn không thuận lợi, khô hạn kéo dài, tổng lượng dòng chảy đến hồ thấp, nên doanh nghiệp đầu tư thủy điện đặc biệt là các thủy điện vừa và nhỏ gặp không ít khó khăn. Thời tiết khô hạn kéo dài từ những tháng cuối năm 2014 dẫn đến lượng nước kế thừa để phục vụ phát điện cho các tháng đầu năm 2015 không còn. Mặt khác, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino trên toàn cầu nên thời tiết ngày càng khô hạn kéo dài đến hết năm 2015, dẫn đến sản lượng và doanh thu cả năm giảm mạnh so với kế hoạch đã đặt ra trong năm 2015.

Vượt qua những khó khăn, thách thức của nền kinh tế Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã có những bước đi đúng đắn, đề ra các mục tiêu hoạt động kịp thời và hợp lý, tận dụng tốt các thời cơ và đưa ra những quyết sách hợp lý giúp GEC phát triển ổn định. Cụ thể các hoạt động chính của Công ty như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh điện:

Tháng 9/2015, Nhà máy thủy điện Thượng Lộ chính thức vận hành thương mại đã nâng công suất phát điện toàn hệ thống GEC lên 84,37MW với 15 nhà máy thủy điện, góp phần gia tăng sản lượng và doanh thu sản xuất điện cho toàn hệ thống.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đạt được trong năm 2015 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 391 tỷ đồng, bằng 101% so với 2014.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 148 tỷ đồng, cao hơn 16% so với 2014.

Doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2015 vượt cao so với kế hoạch chủ yếu do nguồn thu từ hoạt động tài chính, và thu lại thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng các năm trước.

Công tác vận hành: Công ty thường xuyên thực hiện điều tiết công suất hợp lý giữa các nhà máy để giảm sản lượng điện mua từ EVN, tối đa hóa sản lượng và doanh thu giờ cao điểm.

2. Công tác đầu tư tài chính:

- ✓ Đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại TIC từ 65,18% lên 65,43%.

- ✓ Đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại TPH từ 26,88% lên 38,57%.
- ✓ Sáp nhập GAC và GRC vào Công ty và tiến hành điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 10 vào ngày 11/11/2015.
- ✓ Nhận chuyển nhượng toàn bộ lợi ích trong GBC từ TIC và trở thành Công ty mẹ trực tiếp của GBC. Đồng thời tiếp nhận khoản đầu tư vào GBC từ GAC sau sáp nhập tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại GBC lên 65,33%.

3. Công tác đầu tư và M&A dự án

- Hoàn thành quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án khu sản xuất GEC, khu công nghiệp Diên Phú, dự án nâng công suất nhà máy thủy điện Đa Khai, dự án nhà máy thủy điện Đăkpihao 1. Hoàn thành triển khai dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng lưới điện ChuPrông, xây dựng hoàn thiện phòng thí nghiệm VILAS đạt chuẩn ISO/EIC 17025:2005 và dự án xây dựng NMTĐ Thượng Lộ đưa vào vận hành tháng 9/2015
- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai đầu tư tại các dự án mới:

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Công suất lắp máy
1	Thủy điện Alin B1	Thừa Thiên Huế	46 MW
2	Thủy điện Alin Thượng	Thừa Thiên Huế	3 MW
3	Các dự án Điện mặt trời trại nắng và điện mặt trời mái nhà	Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai, Kon Tum, Thừa Thiên Huế, Campuchia	10 MW
4	Các dự án Điện Gió	Bến Tre	6 MW
5	M&A các NMTĐ của Tập đoàn nhà nước thoái vốn	Phú Yên, Lâm Đồng, Đắk Nông, Quảng Nam	134 MW
Tổng cộng			199 MW

4. Công tác tái cấu trúc SXKD và tổ chức hoạt động của Công ty

Dưới sự quản trị của Hội Đồng Quản Trị; sự giám sát của Ban Kiểm Soát và điều hành của Ban Tổng Giám đốc, trong năm 2015 Công ty đã tiến hành tái cấu trúc sơ đồ tổ chức hoạt động của GEC và các đơn vị thành viên nhằm chuẩn bị triển khai các nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển ngắn, trung và dài hạn của Công ty đồng thời gia tăng tính chuyên môn hóa cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty.

Nhằm mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất điện, trong năm 2015 công ty đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy hoạt động như sau:

- Thành lập các chi nhánh sản xuất kinh doanh điện (MangYang, Thừa Thiên Huế, Ayun Hạ) để tập trung quản lý các nhà máy.

- Chi nhánh TP.HCM được thành lập cuối Quý IV/2015 để triển khai thi công lắp đặt điện mặt trời mái nhà cho các CTTV, đơn vị trực thuộc và các đối tác bên ngoài. Theo định hướng chiến lược GEC, thời gian tới chi nhánh sẽ tập trung hoàn tất các thủ tục để triển khai dự án điện gió tại tỉnh Bến Tre, điện mặt trời tại tỉnh Ninh Thuận và một số khu vực tiềm năng về năng lượng tái tạo.
- Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tháng 9/2015, GEC đã hoàn tất công tác sáp nhập GAC và GRC vào GEC.

5. Hoạt động tài chính:

Trong năm 2015, hoạt động tài chính kế toán của Công ty đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

- Đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì cơ cấu vốn hiệu quả, các khoản vay được tái cơ cấu theo hướng điều chỉnh chi phí lãi vay xuống mức thấp, chi phí lãi vay bình quân các khoản vay dài hạn cuối năm 2015 của Công ty chỉ ở mức 8,5%/năm.
- Công tác điều phối vốn nội bộ luôn được chú trọng nhằm sử dụng tối ưu nguồn vốn nhàn rỗi của GEC và CTTV, đảm bảo đem lại hiệu quả tài chính cao nhất với chi phí sử dụng vốn thấp nhất, đến cuối 2015 dư nợ công tác điều phối vốn nội bộ của Công ty đạt gần 28 tỷ đồng.
- Hỗ trợ tích cực cho các CTTV trong việc tiếp cận nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại để tài trợ cho các dự án đầu tư (hỗ trợ TPH ký kết hợp đồng tín dụng cho dự án Alin B1) và tìm kiếm đối tác tài trợ vốn cho hoạt động M&A dự án.

6. Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Trong năm 2015 Công ty đã tích cực triển khai nhiều hoạt động công đoàn, thể dục thể thao, thăm hỏi gia đình CBNV có hoàn cảnh khó khăn, động viên giúp đỡ kịp thời và khuyến khích tinh thần đoàn kết và tích cực thi đua, hăng say làm việc của CBNV Công ty.

Công ty thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, dọn dẹp cải tạo cảnh quan làm công sở làm việc.

Thường xuyên tham gia và có những đóng góp tích cực để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn của cộng đồng, địa phương và xã hội phát huy tốt truyền thống tương thân tương ái của Công ty với xã hội và cộng đồng.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Trong năm 2015 Công ty đã ban hành thêm 135 văn bản lập quy, bao gồm: 2 chính sách, 27 quy chế, 23 quyết định, 72 quy trình và 11 hướng dẫn nhằm tạo hành lang pháp lý giúp cho quá trình quản trị và điều hành của công ty được hiệu quả.
- Ban Tổng Giám đốc có 4 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc và 3 Phó Tổng Giám đốc. Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty; phối hợp chặt chẽ với HĐQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 và các chủ trương của HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, đạt được kết quả như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2015	TH 2014	SS TH 2014
Tổng doanh thu	391,3	387,0	101%
Tổng chi phí	242,9	259,0	94%
LNTT	148,5	128,0	116%
LNST	132,3	113,2	117%

- Trong năm 2015, Công ty hoàn tất chi trả việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỉ lệ 20%, trong đó cổ tức bằng cổ phiếu là 11% và cổ phiếu thưởng là 9%.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty cổ phần đại chúng theo đúng quy định của Luật chứng khoán, thực hiện báo cáo, công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán đầy đủ và kịp thời.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau:

Nội dung	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	SS 2015
GEC riêng lẻ	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	214	116%
	Lợi nhuận trước thuế (sau chia trả liên doanh cho TIC*)	Tỷ đồng	106	84%
	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	10%	
GEC hợp nhất	Doanh thu thuần hợp nhất	Tỷ đồng	396	112%
	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	135	91%

(*) Chi trả liên doanh các nhà máy IaDrăng 3, IaMeur3, IaPuch 3 và ĐăkPiHao 2

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2016, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động trong năm 2016 như sau:

- Chỉ đạo Ban Điều hành bám sát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và Nghị quyết HĐQT;
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và các cuộc họp giao ban với Ban Điều hành để giám sát hoạt động SXKD Công ty và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện công việc đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao;

- Tiếp tục hoạt động theo mô hình Tổng Công ty, do vậy HĐQT sẽ hoàn thiện bộ máy hoạt động, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực cạnh tranh của Công ty, các Công ty thành viên và các Đơn vị trực thuộc theo phương châm Quản trị tập trung – Điều hành phân công – Kiểm soát trách nhiệm;
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy cho GEC Group tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho mục tiêu quản trị doanh nghiệp theo hướng hoạt động của Tổng Công ty, hiện đại hóa kết hợp với việc xây dựng một tập thể năng động, sáng tạo và bản lĩnh, xây dựng một sức mạnh văn hóa doanh nghiệp GEC – Nền tảng bền vững, cho giá trị thăng hoa;
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty;
- Tập trung cho công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ, tạo lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực cho Công ty. Hoàn thiện hệ thống lương thưởng, đánh giá, quy hoạch cán bộ cấp cao và cán bộ quản lý cho Công ty;
- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các nhà máy đảm bảo vận hành liên tục, thông suốt. Ngoài ra tiết giảm chi phí quản lý vận hành và sửa chữa hàng năm ở mức tối ưu;
- Tiếp tục triển khai việc đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú, đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án thủy điện Alin B1 nhằm đạt được mục tiêu đóng điện dự án trong năm 2017. Đồng thời đẩy nhanh triển khai dự án NMTĐ Alin Thượng và thực hiện các thủ tục đề nghị cụm bậc thang nhà máy Alin B1 và nhà máy ALin Thượng được bán điện cho EVN theo Biểu giá chi phí tránh được;
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường bán lẻ tại chi nhánh ChuPrông, đồng thời giảm tỷ lệ tổn thất bán lẻ điện năng tại cụm ChuPrông so với năm 2015;
- Phát triển dịch vụ thí nghiệm cho các GEC Group và các đối tác bên ngoài;
- Đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo để thay thế một phần nguồn năng lượng hóa thạch đang dần cạn kiệt, đồng thời góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
- Tập trung thực hiện công tác M&A các dự án của Tập đoàn nhà nước;
- Hoàn tất các thủ tục xin chủ trương phê duyệt để triển khai dự án điện gió Bình Đại – Bến Tre và thực hiện khảo sát đăng ký quy hoạch và triển khai đầu tư dự án điện mặt trời nổi lưới tại các khu vực có tiềm năng (Ninh Thuận, Gia Lai...)

Với những định hướng nêu trên, trong năm 2016 HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Cổ đông, từng bước chăm lo hơn nữa đến đời sống cán bộ công nhân viên của công ty.

PHẦN E: QUẢN TRỊ CÔNG TY**I. Hội đồng quản trị****1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu
1	Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	362,249
2	Ông Trần Nguyên Huân	Thành viên	
3	Ông Nguyễn Tâm Hòa	Thành viên	

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**❖ Ban ứng dụng Công nghệ thông tin:**

- Thực hiện việc khảo sát nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại GEC;
- Triển khai phần mềm kinh doanh điện năng;
- Triển khai lắp đặt camera tại Trụ sở làm việc, khu sản xuất và các chi nhánh trực thuộc;
- Triển khai phần mềm nhân sự: Hoàn thành giai đoạn nhập liệu;
- Rà soát và đánh giá tổng đài nội bộ tại GEC.

❖ Ban Quản lý dự án khu sản xuất GEC:

- Hoàn thành việc thi công công trình;
- Đã phát hành báo cáo quyết toán vốn dự án do chủ đầu tư lập;
- Thực hiện kiểm toán công trình.

❖ Ban mua sắm hàng hóa GEC:

- Đã thực hiện mua sắm tập trung với khối lượng và giá trị lớn các loại vật tư phục vụ xây lắp, thiết bị điện công nghệ cao và lựa chọn các nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các dự án thủy điện Thượng Lộ, cung cấp vật tư thi công công trình thủy điện Alin B1, cải tạo lưới điện Chư Prông và vật tư sửa chữa cho các nhà máy thủy điện đang vận hành phát điện.
- Thực hiện rà soát đánh giá và lựa chọn các nhà cung cấp có uy tín, chất lượng với giá thành hợp lý, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp giữa GEC với các Công ty thành viên để tạo tính chủ động, xuyên suốt từ công tác xác định nhu cầu mua sắm, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán ký kết hợp đồng và cung ứng vật tư thiết bị.

❖ Ban QLDA cải tạo lưới điện Chư Prông:

- Hoàn thiện công tác xây dựng một số hạng mục: Tháo lắp công tơ, Lắp đặt cải tạo trạm biến áp trung gian F20, Xây dựng trạm biến áp trung gian F20, Lắp đặt hệ thống đo đếm 22kV-XT471/F20, Thay dây cáp bọc cho đường dây 35kV TĐ Ia Muer và Ia Puch 3, Cải tạo nâng cấp và chống tổn thất lưới điện hạ thế khu vực CPR;
- Hoàn thành việc mua sắm thiết bị phục vụ cho công tác thi công: Thiết bị cải tạo TBA trung gian F20, thiết bị hệ thống đo đếm 22kV-XT 471/F20, thiết bị TBA 180kV-22/0,4kV Đới 15 Cao su, thay thế công tơ và phát triển phụ tải...
- Hoàn tất việc thi công ĐZ 35 , lắp xà, tiếp địa, kéo dây để thực hiện thủ tục để đóng điện trong tháng 7/2015.
- Dự án cải tạo lưới ChuPrông: hoàn tất và nghiệm thu đóng điện tháng 9/2015
- Trong năm 2015, Chi nhánh ChuPrông đã phát triển thêm 508 khách hàng mới hoàn thành kế hoạch đặt ra (500 khách hàng mới), tăng tổng sản lượng điện bán lẻ lên 18,5 tr.kWh cao hơn 12% so với năm 2014.
- Công tác chống tổn thất được chú trọng triển khai, các chỉ số tổn thất giảm khá cao so với cùng kỳ sau khi hoàn tất dự án cải tạo lưới điện ChuPrông kết hợp công tác thường xuyên kiểm tra và xử lý kỹ thuật các trạm biến áp có tổn thất lớn. Dự kiến cả năm 2015, tổn thất hạ thế cụm ChuPrông giảm xuống mức 5,38%, giảm so với mức 5,9% cùng kỳ năm trước, tuy nhiên chưa hoàn thành kế hoạch đặt ra (5%).
- Công tác sửa chữa tại các nhà máy đã hoàn tất theo đúng kế hoạch đồng thời triển khai công tác rà soát, kiểm tra và lập kế hoạch sửa chữa năm 2016.
- ❖ Ban tư vấn QLDA thủy điện Thượng Lộ:
 - Nhà máy thủy điện Thượng Lộ đã hoàn tất công tác đóng điện đưa vào vận hành theo kế hoạch đặt ra nâng tổng công suất lắp máy toàn hệ thống lên 84,37MW.
 - Dự án ViLas: hoàn tất công tác đầu tư dự án và thực hiện thí nghiệm cho NM Thượng Lộ, song song đó đang triển khai công tác thí nghiệm cho các khách hàng bên ngoài
- ❖ Ban tư vấn QLDA thủy điện ALin B1:
 - Thực hiện công tác tư vấn, thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán, lập và thẩm tra hồ sơ mời thầu... theo hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý dự án.
 - Dự án đã và đang triển khai các gói thầu quan trọng như: Đường hầm dẫn nước, đường giao thông 71, đường vào khu đầu mối ALin 3, đường dây cáp điện thi công.
 - Phối hợp thực hiện thủ tục chọn thầu cho các gói thầu: Thi công đập Alin 3, thi công đập Alin B1 và kênh dẫn ra, thi công đường dây 110kV...
 - Cử nhân sự của Ban hỗ trợ trực tiếp cho Chủ đầu tư thực hiện một số công tác như: Giám sát thi công, giải phóng mặt bằng, soạn thảo hồ sơ mời thầu...

- Dự án chặn dòng đúng tiến độ, đang triển khai các hạng mục chính của dự án và các hạng mục còn lại theo kế hoạch đấu thầu được phê duyệt.
- ❖ Ban Tư vấn QLDA ĐăkLô 1, 2, 3:
 - Dự án cụm ĐăkLô: hoàn tất công tác thực hiện hợp tác đầu tư với đối tác khác để triển khai dự án.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ đề ra, HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua 73 cuộc họp, 02 đợt lấy ý kiến bằng văn bản với sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát, Ban Điều hành để bàn bạc, thống nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cho Công ty.
- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 23/4/2015 và 2 lần xin ý kiến cổ đông bằng văn bản vào ngày 19/6/2015 và ngày 19/11/2015.
- Giám sát chặt chẽ việc điều hành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ; sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình hoạt động của Công ty;
- Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản, duy trì cơ cấu vốn hiệu quả, các khoản vay được tái cơ cấu theo hướng điều chỉnh chi phí lãi vay xuống mức thấp. Ngoài ra, công tác điều phối vốn nội bộ luôn được chú trọng nhằm sử dụng tối ưu nguồn vốn nhân rồi của GEC và CTTV đem lại hiệu quả tài chính cao nhất với chi phí sử dụng vốn thấp nhất;
- Chỉ đạo Ban Điều hành hoàn thành quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án khu sản xuất GEC, khu công nghiệp Diên Phú, dự án nâng công suất nhà máy thủy điện Đa Khai, dự án nhà máy thủy điện Đăkpihao 1. Hoàn thành triển khai dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng lưới điện ChưPrông, xây dựng hoàn thiện phòng thí nghiệm VILAS đạt chuẩn ISO/EIC 17025:2005 và dự án xây dựng NMTĐ Thượng Lộ đưa vào vận hành tháng 9/2015;
- Tiếp tục tập trung nguồn lực triển khai công tác tư vấn và quản lý dự án NMTĐ Alin B1 đảm bảo hoàn thành mục tiêu đưa dự án vào vận hành thương mại cuối năm 2017;
- Đồng thời nghiên cứu phát triển đầu tư các dự án năng lượng tái tạo: điện mái nhà, điện mặt trời, điện gió... nhằm gia tăng sản lượng điện;
- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các công tác pháp lý liên quan đến việc triển khai các dự án đang đầu tư và dự án đầu tư mới;
- Không ngừng phát triển hoạt động cung cấp dịch vụ và công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã nghiên cứu chế tạo thành công các tủ bảng

điện, tủ nạp Acquy và các hệ thống điều khiển tự động, hệ thống giám sát năng lượng... Mở rộng cung cấp dịch vụ kỹ thuật tại các nhà máy thủy điện; dịch vụ sửa chữa, dịch vụ tư vấn triển khai hệ thống SCADA, dịch vụ lắp đặt cải tạo hệ thống điện năng, dịch vụ quản lý vận hành, dịch vụ tư vấn chuyên giá bán điện theo biểu phí tránh được, dịch vụ quản lý doanh nghiệp; dịch vụ thí nghiệm điện cho nhiều khách hàng trong và ngoài GEC Group;

- Thực hiện đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh là thế mạnh của GEC nhằm phát huy tiềm năng và phát triển thị trường;
- Chỉ đạo công tác chi trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng;
- Công tác M&A: hoàn tất công tác sáp nhập GAC và GRC vào GEC, đồng thời đánh giá và đề xuất hợp tác đầu tư với đối tác để triển khai dự án cụm thủy điện ĐắkLô;
- Chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên, kế hoạch sửa chữa lớn và thay thế thiết bị các Nhà máy thủy điện năm 2015;
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Tuấn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 10/11/2015..
- Các cuộc họp của HĐQT (cả năm 2015):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	73/73	100%	
2	Ông Trần Nguyên Huân	Thành viên	72/73	99%	
3	Ông Nguyễn Tâm Hòa	Thành viên	47/47	100%	Trúng cử ngày 23/4/2015
4	Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên	25/25	100%	Từ nhiệm ngày 23/4/2015

II. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 – 2015: gồm có

- Ông Phan Vũ Hùng - Trưởng ban
- Ông Võ Thanh Phong - Thành viên
- Ông Hàn Phi Hải - Thành viên

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên hoạt động theo chế độ thường trực. Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát là Phòng Kiểm soát nội bộ gồm có 4 thành viên, trong đó: gồm 01 Quyền Trưởng phòng và 03 chuyên viên.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Lập kế hoạch kiểm tra kiểm soát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban kiểm soát, thực hiện kiểm tra kiểm soát theo kế hoạch hành động.
- Kiểm tra, xem xét báo cáo tài chính, sổ sách chứng từ và hệ thống quản lý, giám sát nội bộ theo quy định của nhà nước và điều lệ Công ty.
- Chỉ đạo phòng Kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra kiểm soát các Phòng ban của Công ty và các CTTV theo kế hoạch hành động đã đề ra.
- Thực hiện đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Giám sát việc quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Năm qua, Ban kiểm soát có 04 cuộc họp với những nội dung cụ thể như sau:

- Cuộc họp bầu Ông Lưu Mạnh Thức làm Trưởng ban kiểm soát, với tỷ lệ thống nhất 3/3 phiếu.
- Họp đánh giá tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong quý I năm 2015; Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ trong quý II năm 2015 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
- Cuộc họp bầu Ông Phan Vũ Hùng làm Trưởng ban kiểm soát, với tỷ lệ thống nhất 3/3 phiếu.
- Họp đánh giá tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong 10 tháng đầu năm 2015; Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra kiểm soát trong tháng 11 và 12 năm 2015; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát và xây dựng mục tiêu, kế hoạch hành động năm 2016.

PHẦN F: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:
A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT:
Đvt: VND

<i>Mã số</i>	<i>TÀI SẢN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		484.517.408.417	434.930.580.600
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	88.744.706.764	97.816.910.206
111	1. Tiền		17.244.706.764	80.616.910.206
112	2. Các khoản tương đương tiền		71.500.000.000	17.200.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		381.031.557.954	316.576.389.032
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	107.581.667.900	38.129.137.306
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	95.962.136.124	52.391.401.997
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	171.343.858.552	219.343.858.552
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	6.561.337.090	7.495.098.157
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(443.597.011)	(800.647.966)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		26.155.299	17.540.986
140	III. Hàng tồn kho		9.628.303.887	14.162.480.665
141	1. Hàng tồn kho	10	9.628.303.887	14.162.480.665
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.112.839.812	6.374.800.697
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		377.719.246	801.641.895
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.628.700.792	5.389.997.037
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	106.419.774	183.161.765
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.400.670.816.547	1.275.411.115.480
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	1.818.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	1.818.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.223.676.884.801	1.108.387.721.541
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.217.970.444.123	1.106.730.854.079

222	Nguyên giá		1.595.608.865.916	1.412.884.308.569
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(377.638.421.793)	(306.153.454.490)
227	2. Tài sản vô hình	12	5.706.440.678	1.656.867.462
228	Nguyên giá		6.204.555.975	1.973.877.975
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(498.115.297)	(317.010.513)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		135.235.633.816	119.674.737.356
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	124.654.748
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	135.235.633.816	119.550.082.608
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		891.190.187	691.183.500
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	891.190.187	691.183.500
260	V. Tài sản dài hạn khác		40.867.107.743	44.839.473.083
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	19.525.859.558	21.370.455.248
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	6.737.323.620	6.533.434.782
269	3. Lợi thế thương mại	17	14.603.924.565	16.935.583.053
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.885.188.224.964	1.710.341.696.080

Đvt: VND

<i>Mã số</i>	<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		723.192.666.043	639.461.209.201
310	I. Nợ ngắn hạn		205.228.702.470	174.755.999.928
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	15.369.938.729	12.649.905.475
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	702.054.111	378.526.309
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	21.498.992.174	13.292.047.880
314	4. Phải trả người lao động		7.343.558.330	7.803.808.826
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.147.835.014	557.296.039
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	44.990.048.131	49.511.728.267
320	7. Vay ngắn hạn	23	102.546.058.116	78.527.796.096
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.630.217.865	12.034.891.036
330	II. Nợ dài hạn		517.963.963.573	464.705.209.273
331	1. Phải trả người bán dài hạn	18	506.420.176	259.770.187
338	2. Vay dài hạn	23	517.457.543.397	464.286.707.693
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	-	158.731.393
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.161.995.558.921	1.070.880.486.879
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.161.995.558.921	1.070.880.486.879
411	1. Vốn cổ phần		744.903.390.000	601.302.280.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	24.1	744.903.390.000	601.302.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	1.980.358.653	56.096.658.653
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	45.765.262.050	37.654.564.728
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	93.843.367.732	70.360.834.760
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.784.853.128	70.360.834.760
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		83.058.514.604	-
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		275.503.180.486	305.466.148.738
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.885.188.224.964	1.710.341.696.80

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT:
Đvt: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	354.355.360.930	338.774.145.317
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26, 30	157.319.968.432	134.452.945.541
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		197.035.392.498	204.321.199.776
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	34.358.886.783	44.614.700.782
22	5. Chi phí tài chính	28	41.440.117.460	76.314.705.282
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>41.063.187.848</i>	<i>59.481.668.959</i>
25	6. Chi phí bán hàng	30	48.076.280	174.280.727
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27,30	42.112.899.441	40.386.774.600
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		147.793.186.100	132.060.139.949
31	9. Thu nhập khác	29	2.679.078.038	3.013.010.629
32	10. Chi phí khác	29	1.963.362.964	7.073.277.404
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	715.715.074	(4.060.266.775)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		148.508.901.174	127.999.873.174
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	16.551.756.732	16.773.472.080
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(362.620.231)	(1.940.970.605)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		132.319.764.673	113.167.371.699
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		92.672.307.238	76.017.215.877
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		39.647.457.435	37.150.155.822
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.5	1.210	943
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.5	1.210	943

C.BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:
Đvt: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		148.508.901.174	127.999.873.174
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 17	74.021.657.219	72.419.821.935
03	Hoàn nhập dự phòng		(357.050.955)	(21.438.468.678)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		228.727.538	(61.790)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(34.475.103.593)	(44.509.568.014)
06	Chi phí lãi vay	28	41.063.187.848	59.481.668.959
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		228.990.319.231	193.953.265.586
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(110.028.487.839)	23.773.981.943
10	Giảm hàng tồn kho		4.658.831.526	1.196.936.987
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		7.875.944.244	(69.482.016.965)
12	Giảm chi phí trả trước		3.016.862.883	8.027.887.885
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	276.978.256.422
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.460.340.601)	(65.318.586.912)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(11.693.588.090)	(16.071.553.274)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.466.850.066)	(7.985.083.769)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.892.691.288	345.073.087.903
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(205.135.753.337)	(36.839.573.237)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		349.662.694	1.144.256.340
23	Tiền chi cho vay		(9.620.769.864)	(285.766.686.440)
24	Tiền thu hồi cho vay		47.920.769.864	49.470.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.162.590.926)	(32.708.315.719)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.170.186.671	106.763.390.142
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		19.823.005.306	16.815.863.034
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(121.655.489.592)	(181.121.065.880)

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát		-	83.078.450.000
33	Tiền vay nhận được		397.094.599.602	270.950.072.046
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(320.137.772.714)	(425.202.930.980)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(36.266.666.887)	(25.048.913.718)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		40.690.160.001	(96.223.322.652)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(9.072.638.303)	67.728.699.371
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		97.816.910.206	30.088.149.045
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		434.861	61.790
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	88.744.706.764	97.816.910.206

D. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

1. Thông tin Công ty

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“GEC” hoặc “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động theo đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và sáu (6) chi nhánh tại Thôn 1, Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam; tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; tại số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.



Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 464 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 423).



Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 7 công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Số cuối năm	Số đầu năm
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên (“TIC”)	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	59,13	58,90
(2) Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“GHC”)	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ	Đang hoạt động	58,14	58,14
(3) Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai (“GCC”)	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Đang hoạt động	100	100
(4) Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển Năng lượng Gia Lai (“GCE”)	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn thiết kế và kỹ thuật các công trình thủy điện	Đang hoạt động	100	100
(5) Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ (“TLH”)	Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	71,35	71,35
(6) Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ (“GBC”)	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	65,33	42,51
(7) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú (“TPH”)	Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang trong giai đoạn đầu tư	38,57 (*)	26,88



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

(8)	Công ty Cổ phần Ayun Thượng (“GAC”)	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Sáp nhập	-	97,71
(9)	Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai (“GRC”)	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Sáp nhập	-	83,21
(10)	Công ty TNHH GKC (“GKC”)	Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Thanh lý	-	83,26

(*) Nhóm Công ty nắm giữ quyền kiểm soát về các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 35.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

► Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

► *Các quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 20 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	43 - 50 năm
Phần mềm máy tính	8 năm
Tài sản khác	5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian với các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải

gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

- ▶ Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc

trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

- ▶ Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- ▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- ▶ *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

- ▶ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

▶ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

▶ *Tiền lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

▶ *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Ghi nhận giá vốn

Chi phí giá vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục

được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Trong năm, GEC đã lần lượt mua thêm 0,26% quyền sở hữu của TIC, 0,01% quyền sở hữu của GAC và 0,93% quyền sở hữu của GRC từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 2.062.590.926 VND, tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại TIC từ 65,18% lên 65,43%, tại GAC từ 97,71% lên 97,72% và tại GRC từ 83,21% lên 84,14%.

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã đồng ý nhận sáp nhập GAC và GRC vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được phê duyệt bởi Sở KH &ĐT Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 10 vào ngày 11 tháng 11 năm 2015.

Trong năm, Nhóm Công ty đã góp thêm vốn vào TPH với tổng số tiền là 34.157.767.299 VND, tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại TPH từ 26,88% lên 38,57%.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng toàn bộ lợi ích trong GBC từ TIC với giá trị là 5.700.000.000 VND. Theo đó, Công ty là công ty mẹ trực tiếp của GBC từ ngày này. Sau đó, Công ty đã tiếp nhận khoản đầu tư vào GBC từ GAC sau thời điểm sáp nhập với giá trị 180.000.000 VND. Các nghiệp vụ này tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại GBC từ 42,51% lên 65,33%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con phát sinh từ các nghiệp vụ trên đây được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo hướng dẫn của Thông tư 202 (Thuyết minh số 24.1).

Ngoài ra, vào ngày 5 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH GKC (“GKC”) cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đắklô. Theo đó, GKC không còn là công ty con của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	100.801.817	96.313.344
Tiền gửi ngân hàng	17.143.904.947	80.520.596.862
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>71.500.000.000</u>	<u>17.200.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>88.744.706.764</u>	<u>97.816.910.206</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn không quá (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi từ 4,3% đến 5,2%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:		
Phát hành cổ phiếu để hoán đổi sáp nhập doanh nghiệp	23.342.420.000	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bên khác	12.060.564.134	7.641.685.105
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	7.383.720.889	3.965.757.534
- Các khách hàng khác	4.676.843.245	3.675.927.571
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>95.521.103.766</u>	<u>30.487.452.201</u>
TỔNG CỘNG	<u>107.581.667.900</u>	<u>38.129.137.306</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(99.738.459)</u>	<u>(456.789.414)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>107.481.929.441</u>	<u>37.672.347.892</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	95.962.136.124	52.391.401.997
- Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	17.766.599.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Hoàng	15.212.978.839	15.212.978.839
- Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	14.583.835.673	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Long Thành	14.497.070.218	14.497.070.218
- Các nhà cung cấp khác	33.901.652.394	22.681.352.940
TỔNG CỘNG	95.962.136.124	52.391.401.997

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (i)(Thuyết minh số 32)	164.000.000.000	165.000.000.000
Cho vay bên khác(ii)	7.000.000.000	54.000.000.000
Cho vay Công ty Cổ phần Xây lắp & Dịch vụ Cơ điện Gia Lai	343.858.552	343.858.552
TỔNG CỘNG	171.343.858.552	219.343.858.552
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(343.858.552)	(343.858.552)
GIÁ TRỊ THUẦN	171.000.000.000	219.000.000.000

(i) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTC”)</i>				
Hợp đồng số 04/HĐTD-GEC/2014, phụ lục ngày 28 tháng 12 năm 2015	72.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9,5	Tín chấp
Hợp đồng số 03A/HĐTD-GEC/2014, phụ lục ngày 28	38.000.000.000	Ngày 30 tháng 6	9,5	Tín chấp



tháng 12 năm 2015

năm 2016

Bà Đặng Nhân Dung

Hợp đồng số 06/HĐTD-GEC/2014, phụ lục ngày 31 tháng 12 năm 2015	54.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9,5	Bảo lãnh bởi TTC
---	----------------	--------------------------	-----	------------------

TỔNG CỘNG

164.000.000.000

Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tin

Hợp đồng số 01/2015/HĐVV-ST-GEC, phụ lục ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>7.000.000.000</u>	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9.5	Tín chấp
--	----------------------	--------------------------	-----	----------

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng nhân viên	5.326.748.388	2.923.116.618
Phải thu lãi vay	187.023.890	131.999.999
Phải thu tiền phí môi trường rừng	-	3.332.417.540
Phải thu khác	<u>1.047.564.812</u>	<u>1.107.564.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.561.337.090</u>	<u>7.495.098.157</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	-	3.376.861.984
<i>Bên khác</i>	<u>6.561.337.090</u>	<u>4.118.236.173</u>

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	4.801.841.814	6.805.680.288
Công cụ, dụng cụ	2.033.969.847	2.107.523.329
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.118.674.588	4.088.787.217
Thành phẩm	<u>673.817.638</u>	<u>1.160.489.831</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.628.303.887</u>	<u>14.162.480.665</u>



11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:							
Số đầu năm	810.581.944.882	428.037.273.396	139.804.677.648	1.760.410.185	174.169.396	32.525.833.062	1.412.884.308.569
Đầu tư XDCB hoàn thành	12.689.868.505	4.864.252.043	702.608.360	-	-	146.109.178.695	164.365.907.603
Mua mới trong năm	12.454.175.758	4.582.614.511	1.492.995.909	915.412.531	-	31.890.000	19.477.088.709
Phân loại lại	(39.230.049.056)	29.750.411.828	-	547.270.515	-	8.235.294.879	(697.071.834)
Thanh lý	(135.282.059)	(26.684.020)	(34.981.818)	-	-	-	(196.947.897)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(224.419.234)	-	-	-	(224.419.234)
Số cuối năm	796.360.658.030	467.207.867.758	141.740.880.865	3.223.093.231	174.169.396	186.902.196.636	1.595.608.865.916
Trong đó:							
<i>Đã khấu hao hết</i>	11.051.078.157	7.690.536.605	1.638.897.553	233.930.103	-	619.327.845	21.233.770.263
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	133.376.313.259	111.132.928.535	38.832.485.138	926.419.630	174.169.396	21.711.138.532	306.153.454.490
Khấu hao trong năm	34.475.477.410	23.409.000.307	8.469.051.531	242.737.210	-	4.912.765.489	71.509.031.947
Phân loại lại	(2.348.996.545)	1.838.397.535	-	34.220.701	-	591.695.210	115.316.901
Thanh lý	(2.909.291)	(26.684.020)	(34.981.818)	-	-	-	(64.575.129)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(74.806.416)	-	-	-	(74.806.416)
Số cuối năm	165.499.884.833	136.353.642.357	47.191.748.435	1.203.377.541	174.169.396	27.215.599.231	377.638.421.793
Giá trị còn lại:							



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Số đầu năm	<u>677.205.631.623</u>	<u>316.904.344.861</u>	<u>100.972.192.510</u>	<u>833.990.555</u>	-	<u>10.814.694.530</u>	<u>1.106.730.854.079</u>
Số cuối năm	<u>630.860.773.197</u>	<u>330.854.225.401</u>	<u>94.549.132.430</u>	<u>2.019.715.690</u>	-	<u>159.686.597.405</u>	<u>1.217.970.444.123</u>
Trong đó:							
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp</i>							
<i>(Thuyết minh số 23)</i>	560.502.734.773	289.967.724.726	75.003.678.174	835.074.678	-	155.191.987.974	1.081.501.200.325

12. Tài sản vô hình
VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Nguyên giá:</i>				
Số đầu năm	1.492.970.000	341.467.791	139.440.184	1.973.877.975
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.868.178.000	120.000.000	-	3.988.178.000
Mua mới trong năm	-	287.500.000	-	287.500.000
Giảm khác	-	(45.000.000)	-	(45.000.000)
Số cuối năm	<u>5.361.148.000</u>	<u>703.967.791</u>	<u>139.440.184</u>	<u>6.204.555.975</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	175.000.000	-	175.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế:</i>				
Số đầu năm	38.118.925	226.051.112	52.840.476	317.010.513
Hao mòn trong năm	63.462.285	110.029.004	17.613.495	191.104.784
Giảm khác	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Số cuối năm	<u>101.581.210</u>	<u>326.080.116</u>	<u>70.453.971</u>	<u>498.115.297</u>
<i>Giá trị còn lại:</i>				
Số đầu năm	<u>1.454.851.075</u>	<u>115.416.679</u>	<u>86.599.708</u>	<u>1.656.867.462</u>
Số cuối năm	<u>5.259.566.790</u>	<u>377.887.675</u>	<u>68.986.213</u>	<u>5.706.440.678</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 23)</i>	1.446.220.375	-	-	1.446.220.375

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG
VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy thủy điện Alin B1	130.345.187.755	65.195.621.913
Nhà máy thủy điện Thượng Lộ	3.814.503.407	31.511.583.974
Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	714.411.900	-
Hệ thống SCADA trạm 110 KV Chư Prông	110.880.000	-

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Khu Công nghiệp Diên Phú	-	9.719.214.518
Nâng cấp Nhà máy Thủy điện Đa Khai	-	5.154.893.310
Cải tạo lưới điện Chư Prông	-	2.890.828.660
Nhà máy thủy điện ĐăkLô – Kon Tum	-	2.581.476.138
Khác	250.650.754	2.496.464.095
TỔNG CỘNG	135.235.633.816	119.550.082.608

14. CHI PHÍ LÃI VAY VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay vào các dự án Nhà máy thủy điện Alin B1, Nhà máy thủy điện Thượng Lộ, Khu công nghiệp Diên Phú, Dự án cải tạo lưới điện Chư Prông và Dự án nâng cấp nhà máy Thủy điện Đa Khai với tổng số tiền là 4.052.434.496 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 348.442.860 VND).

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào dự án Thủy Điện Krông Pa 2	691.183.500	691.183.500
Công ty TNHH GKC	200.006.687	-
TỔNG CỘNG	891.190.187	691.183.500

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa (*)	9.953.900.428	12.086.879.092
Chi phí bảo trì định kỳ	5.814.016.528	6.749.941.089
Công cụ dụng cụ	1.693.259.096	2.510.682.051
Khác	2.064.683.506	22.953.016
TỔNG CỘNG	19.525.859.558	21.370.455.248

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Điện Gia Lai để cổ phần hóa theo Biên bản Thẩm định giá trị doanh nghiệp tại ngày 1 tháng 10 năm 2009. Lợi thế kinh doanh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI
VND
Nguyên giá:

Số đầu năm	18.260.301.786
Giảm do thanh lý công ty con	(57.921.585)

Số cuối năm	18.202.380.201
--------------------	-----------------------

Giá trị khấu trừ lũy kế:

Số đầu năm	1.324.718.733
Phân bổ trong năm	2.321.520.488
Giảm do thanh lý công ty con	(47.783.585)

Số cuối năm	3.598.455.636
--------------------	----------------------

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	16.935.583.053
-------------------	-----------------------

Số cuối năm	14.603.924.565
--------------------	-----------------------

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN
VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Bên khác	14.203.547.554	12.214.029.155
- Công ty Cổ phần Xây dựng 43	2.662.531.000	3.918.019.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng 41	2.390.140.370	706.960.817
- Công ty Cổ phần Hữu hạn Thủy điện Vân Hà Trùng Khánh	2.304.236.927	2.319.876.615
- Các nhà cung cấp khác	6.846.639.257	5.269.172.723
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.166.391.175	435.876.320
	15.369.938.729	12.649.905.475
Dài hạn		
Bên khác	506.420.176	259.770.187
TỔNG CỘNG	15.876.358.905	12.909.675.662

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN
VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bên khác	702.054.111	378.526.309

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP (PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải nộp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	11.939.479.708	7.093.023.460
Thuế giá trị gia tăng	6.865.043.233	3.792.680.322
Thuế tài nguyên	1.473.071.879	1.572.644.060
Thuế thu nhập cá nhân	584.155.314	220.191.665
Khác	637.242.040	613.508.373
TỔNG CỘNG	<u>21.498.992.174</u>	<u>13.292.047.880</u>
Phải thu		
Tiền thuê đất	59.310.000	133.609.680
Thuế thu nhập cá nhân	44.893.597	36.049.131
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	2.216.177	13.502.954
TỔNG CỘNG	<u>106.419.774</u>	<u>183.161.765</u>
21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN		
	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay	2.982.996.851	314.568.039
Khác	164.838.163	242.728.000
TỔNG CỘNG	<u>3.147.835.014</u>	<u>557.296.039</u>
22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC		
	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	35.551.736.541	38.207.818.128
Phải trả quỹ bảo vệ môi trường rừng	6.227.286.351	3.258.333.000
Lãi vay phải trả	1.119.302.689	2.516.455.442
Khác	2.091.722.550	5.529.121.697
TỔNG CỘNG	<u>44.990.048.131</u>	<u>49.511.728.267</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	43.340.048.131	48.011.728.267
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	1.650.000.000	1.500.000.000

23. VAY

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn	102.546.058.116	78.527.796.096
Vay ngắn hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 23.1</i>)	16.000.000.000	13.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 23.2 và 23.3</i>)	86.546.058.116	65.527.796.096
Vay dài hạn	517.457.543.397	464.286.707.693
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 23.2</i>)	513.245.216.350	445.921.060.840
Vay dài hạn bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23.3</i>)	4.212.327.047	18.365.646.853
TỔNG CỘNG	<u>620.003.601.513</u>	<u>542.814.503.789</u>

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức</i>
	<i>VND</i>		<i>(%/năm)</i>	<i>đảm bảo</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 453/15/NHNT ngày 24 tháng 12 năm 2015	<u>16.000.000.000</u>	Ngày 30 tháng 4 năm 2016	6,0	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty

Nhóm Công ty vay khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.



23. VAY (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VND</i>			<i>(%/năm)</i>	
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (“Agribank Gia Lai”)</i>					
Hợp đồng số 179/HĐTD, ngày 13 tháng 8 năm 2013	137.270.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 20 tháng 8 năm 2021	Đầu tư vào dự án thủy điện Đa Khai	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 277/HĐTD, ngày 26 tháng 10 năm 2012	42.001.188.858	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2025	Đầu tư vào dự án thủy điện Đăk Pi Hao 1	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 45/HĐTD, ngày 29 tháng 8 năm 2006	34.372.748.555	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2016 đến ngày 7 tháng 2 năm 2019	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Puch 3	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 36/2006/HĐTD, ngày 1 tháng 12 năm 2006	21.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019	Đầu tư vào dự án thủy điện H’Mun	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 75/HĐTD, ngày 17 tháng 10 năm 2003	2.658.311.096	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 17 tháng 10 năm 2016	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Đrăng 3	8,0	Tài sản hình thành từ vốn vay



Hợp đồng số 77/HĐTD, ngày 27 tháng 10 năm 2003	2.426.268.184	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 27 tháng 10 năm 2016	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Meur 3	8,4	Tài sản hình thành từ vốn vay
Biên bản thỏa thuận ngày 1 tháng 10 năm 2007 (*)	14.495.691.367	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 5 năm 2017			
Tổng	<u>254.224.208.060</u>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn
trả

37.977.579.280

(*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 1 tháng 10 năm 2007 về việc tiếp nhận nợ vay ngân hàng giữa Agribank Gia Lai và Công ty Điện Gia Lai. Theo đó, Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty Cổ phần Điện Gia Lai) đã tiếp nhận nợ vay và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận của Công ty Mía đường Gia Lai trước đây đã ký kết với Agribank Gia Lai.

23.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh</i>					
Hợp đồng số 138/2014- HĐTDDA/NHCT902- GTLC, ngày 10 tháng 10 năm 2014	77.281.115.182	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2016 đến ngày 24 tháng 4 năm 2026	Đầu tư vào dự án thủy điện Thượng Lộ	8,5 - 9,0	Tài sản hình thành từ vốn vay



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh</i>					
Hợp đồng số 85/2015- HĐTDDA/NHCT902- TPH, ngày 8 tháng 6 năm 2015	69.749.955.674	Từ ngày 4 tháng 9 năm 2019 đến ngày 4 tháng 9 năm 2029	Đầu tư vào dự án thủy điện Alin B1	7,0	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 218/2014/HĐTĐ/NHCT 902-GEC, ngày 17 tháng 12 năm 2014	24.965.000.000	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 12 năm 2019	Đầu tư vào dự án thủy điện ĐăkPiHao 2	7,0	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 102/2015- HĐTDDA/NHCT902- GBC, ngày 18 tháng 6 năm 2015	9.464.000.000	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 6 năm 2022	Đầu tư vào dự án thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	8,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng	<u>181.460.070.856</u>				
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>10.566.599.368</i>				



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng số 01/2009/AJS.CO-HĐTĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2009	106.260.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Đầu tư vào dự án thủy điện Ayun Thượng 1A	9,0	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 340/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	10.996.694.631	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án Khu Công nghiệp Diên Phú	8,5 - 9,0	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Nhóm Công ty
Hợp đồng số 341/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	7.780.961.999	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án Cải tạo nâng cấp lưới điện Chư Prông	8,5 - 9,0	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Nhóm Công ty
Hợp đồng số 342/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	3.976.926.621	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2016 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án Cải tạo nâng cấp Nhà máy thủy điện Đa Khai	8,5	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Nhóm Công ty
Tổng	129.014.583.251				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>19.908.000.000</i>				



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Nguyên tệ (Đô la Mỹ)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</i>						
Hợp đồng số 08/2006/HĐTĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2008	25.801.116.613		Từ ngày 31 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2017	Đầu tư vào dự án thủy điện H'Mun	8,4	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 02/2006/TDNN-ODA, ngày 27 tháng 9 năm 2006	7.895.044.410	360.669	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018	Đầu tư vào dự án thủy điện H'Mun	1,7	Tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng	<u>33.696.161.023</u>					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<u>16.697.628.192</u>					
TỔNG CỘNG	<u><u>598.395.023.190</u></u>					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	85.149.806.840					
<i>Vay dài hạn</i>	513.245.216.350					



23.3 *Vay dài hạn bên liên quan*

Chi tiết các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Các cổ đông nhỏ lẻ (*) (Thuyết minh số 32)</i>					
Hợp đồng số 01C/2012/HĐVV và 01D/2012/HĐVV, ngày 19 tháng 1 năm 2012	<u>5.608.578.323</u>	10 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2012	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Puch 3 và Đăk Pi Hao 2	9,0	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.396.251.276</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>4.212.327.047</i>				

(*) Đây là các khoản vay từ các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai trước thời điểm sáp nhập. Công ty đã tiếp nhận lại toàn bộ khoản vay này tại thời điểm sáp nhập và Công ty đang trong quá trình ký lại hợp đồng vay với các cá nhân này.



24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước							
Số đầu năm	522.871.860.000	103.154.918.653	(1.986.517.906)	22.181.101.856	3.797.109.478	45.386.063.360	695.404.535.441
Tăng vốn trong năm	78.430.420.000	(47.058.260.000)	-	-	-	(31.372.160.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	76.017.215.877	76.017.215.877
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.161.525.468	6.520.374.326	(11.681.899.794)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(5.546.400)	-	(5.546.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.988.384.683)	(7.988.384.683)
Giảm khác	-	-	1.986.517.906	-	-	-	1.986.517.906
Số cuối năm	601.302.280.000	56.096.658.653	-	27.342.627.324	10.311.937.404	70.360.834.760	765.414.338.141
Năm nay							
Số đầu năm (<i>được trình bày lại</i> <i>– Thuyết minh số 35</i>)(*)	601.302.280.000	56.096.658.653	-	37.654.564.728	-	70.360.834.760	765.414.338.141
Phát hành cổ phiếu mới (**)	23.342.420.000	-	-	-	-	-	23.342.420.000
Cổ phiếu thưởng (**)	54.116.300.000	(54.116.300.000)	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (**)	66.142.390.000	-	-	-	-	(66.142.390.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	92.672.307.238	92.672.307.238
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con (<i>Thuyết minh số 4</i>)	-	-	-	-	-	10.011.551.439	10.011.551.439



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Trích lập các quỹ	-	-	-	8.441.027.494	-	(8.441.027.494)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(330.330.172)	-	-	(330.330.172)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.617.908.211)	(4.617.908.211)
Số cuối năm	<u>744.903.390.000</u>	<u>1.980.358.653</u>	<u>-</u>	<u>45.765.262.050</u>	<u>-</u>	<u>93.843.367.732</u>	<u>886.492.378.435</u>

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Trong năm, Nhóm Công ty đã chuyển toàn bộ số dư đầu kỳ quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200. Nghiệp vụ này đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015.
- (**) Trong năm, Công ty đã phát hành tổng cộng 14.360.111 cổ phiếu mới theo các hình thức như sau:
- Công ty đã phát hành 12.025.869 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức cổ phiếu thưởng lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần; và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng đã được phê duyệt bởi Sở KH &ĐT Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 11 tháng 8 năm 2015.
 - Công ty cũng đã lần lượt phát hành 2.060.642 và 273.600 cổ phiếu mới để thực hiện hoán đổi cổ phiếu với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai và Công ty Cổ phần Ayun Thượng theo tỷ lệ hoán đổi 1:1 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015. Việc phát hành này đã được phê duyệt bởi Sở KH &ĐT Tỉnh Gia Lai thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 vào ngày 11 tháng 11 năm 2015.



24.2 *Vốn cổ phần*

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)</i>	<i>Vốn cổ phần đã góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)</i>	<i>Vốn cổ phần đã góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Bà Tạ Thị Ngoan	17.436.000	174.360.000.000	23,41	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	14.739.764	147.397.640.000	19,79	12.026.053	120.260.530.000	20,00
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	9.660.000	96.600.000.000	12,97	8.050.000	80.500.000.000	13,39
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	7.098.156	70.981.560.000	9,53	5.915.131	59.151.310.000	9,84
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.967.499	39.674.990.000	5,33	5.836.250	58.362.500.000	9,71
Bà Đặng Huỳnh Úc My	3.478.699	34.786.990.000	4,67	2.900.000	29.000.000.000	4,82
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	3.009.582	30.095.820.000	4,04	2.507.986	25.079.860.000	4,17
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	2.070.000	20.700.000.000	2,78	1.725.000	17.250.000.000	2,87
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Việt	-	-	-	14.450.176	144.501.760.000	24,03
Các cổ đông khác	13.030.639	130.306.390.000	17,48	6.719.632	67.196.320.000	11,18
TỔNG CỘNG	74.490.339	744.903.390.000	100	60.130.228	601.302.280.000	100

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</i>		
Số đầu năm	601.302.280.000	522.871.860.000
Tăng vốn trong năm	143.601.110.000	78.430.420.000
Số cuối năm	<u>744.903.390.000</u>	<u>601.302.280.000</u>

24.4 Cổ phiếu-cổ phiếu phổ thông

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>(Cổ phiếu)</i>	<i>(Cổ phiếu)</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	74.490.339	60.130.228
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.490.339	60.130.228
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	74.490.339	60.130.228

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>(trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN của công mẹ	92.672.307.238	76.017.215.877
<i>Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	4.617.908.211	7.988.384.683
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.054.399.027	68.028.831.194
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (<i>cổ phiếu</i>) (**)	72.744.454	72.156.097
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (<i>VND/cổ phiếu</i>)	1.210	943

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

24.5 Lãi trên cổ phiếu

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2015 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2015.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh để phản ánh việc tăng 12.025.869 cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, theo hướng dẫn của CMKTVN số 30.

25. DOANH THU
25.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán điện	339.771.278.303	329.688.213.265
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng và dịch vụ khác	13.183.743.537	5.326.393.198
Doanh thu bán trụ bê tông ly tâm	1.400.339.090	3.759.538.854
TỔNG CỘNG	354.355.360.930	338.774.145.317
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>		270.250.640.00
	269.653.163.945	2
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	84.702.196.985	68.523.505.315

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.878.029.197	5.233.001.994
Lãi từ hoạt động đầu tư	14.379.784.470	29.446.609.159
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.935.089.629
Khác	101.073.116	-
TỔNG CỘNG	34.358.886.783	44.614.700.782

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán điện	151.765.516.624	127.417.116.063
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây dựng và dịch vụ khác	4.396.882.206	2.969.774.574
Giá vốn bán trụ bê tông ly tâm	1.157.569.602	4.066.054.904
TỔNG CỘNG	157.319.968.432	134.452.945.541

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lương bộ phận quản lý	25.042.267.688	22.064.933.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.213.309.957	2.129.017.861
Chi phí khác	14.857.321.796	16.192.823.533
TỔNG CỘNG	42.112.899.441	40.386.774.600

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi vay	41.063.187.848	59.481.668.959
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	-	37.470.515.110
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	(20.856.337.647)
Khác	376.929.612	218.858.860
TỔNG CỘNG	41.440.117.460	76.314.705.282

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.679.078.038	3.013.010.629
Thu thanh lý tài sản cố định	217.289.926	686.983.436
Thu thanh lý vật tư	-	1.462.100.231
Khác	2.461.788.112	863.926.962
Chi phí khác	1.963.362.964	7.073.277.404
Giá trị còn lại vật tư thanh lý	-	1.970.443.211
Khác	1.963.362.964	5.102.834.193
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	715.715.074	(4.060.266.775)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.646.752.997	29.957.996.998
Chi phí nhân công	48.178.849.350	54.300.112.301
Chi phí khấu hao và hao mòn (<i>Thuyết minh số 11, 12 và 17</i>)	74.021.657.219	72.419.821.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.150.210.165	12.696.620.154
Chi phí khác	6.483.474.422	5.639.449.480
TỔNG CỘNG	199.480.944.153	175.014.000.868

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con là 22% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư thủy điện sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án, cụ thể như sau:

- *Đối với các dự án của GEC:*
 - Nhà máy thủy điện Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông – Trà Bá: GEC áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2010 đến năm 2016).
 - Nhà máy thủy điện Ia Đrăng 3: GEC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời gian miễn giảm (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Theo Công văn số 11684/BTC-TCT ngày 16 tháng 9 năm 2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính thì mức thuế suất thuế TNDN hiện nay của dự án là 10%.
 - Nhà máy thủy điện Ia Meur 3: GEC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời gian miễn giảm (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Theo Công văn số 11684/BTC-TCT ngày 16 tháng 9 năm 2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính thì mức thuế suất thuế TNDN hiện nay của dự án là 10%.
 - Nhà máy thủy điện Đa Khai: GEC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
 - Nhà máy thủy điện Đăk Pi Hao 1: GEC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm

2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).

- Nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A: GEC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- *Đối với các dự án của GEC: (tiếp theo)*
 - Nhà máy thủy điện Đắk Pi Hao 2: GEC áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2012 đến năm 2018).
 - Nhà máy thủy điện Ia Puch 3: GEC áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2013 đến năm 2019).
- *Đối với dự án nhà máy thủy điện Ia Đrăng 1 của TIC:* TIC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (từ năm 2002 đến năm 2016), được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002 đến năm 2005) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2006 đến năm 2014).
- *Đối với dự án nhà máy thủy điện H'Chan của GHC:* GHC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2010 đến năm 2018).
- *Đối với dự án nhà máy thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ của GBC:* GBC được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2016 đến năm 2024).
- *Đối với dự án nhà máy thủy điện Thượng Lộ của TLH:* TLH được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2020 đến năm 2028).
- *Đối với Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển Năng lượng Gia Lai:* công ty được áp dụng mức thuế là 20% theo hướng dẫn của Thông tư 141/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 10 năm 2013 đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.394.182.324	15.812.512.747
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	157.574.408	960.959.333
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(362.620.231)	(1.940.970.605)
TỔNG CỘNG	<u>16.189.136.501</u>	<u>14.832.501.475</u>

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con chênh lệch với lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế năm nay. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành và các quy định về ưu đãi thuế TNDN đang áp dụng đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế ước tính:



	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.508.901.174	127.999.873.174
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	4.804.564.934	8.791.955.746
Thay đổi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	721.506.334	268.526.836
Chi phí không được khấu trừ	4.641.227.818	4.263.155.051
Cổ tức nhận được trong năm	-	(9.935.089.629)
Thay đổi (lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	581.494.649	1.233.920.590
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	159.257.694.909	132.622.341.768
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.152.983.734)	(1.584.900)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	158.104.711.175	132.620.756.868
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	16.394.182.324	15.812.512.747
Chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	157.574.408	960.959.333
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	16.551.756.732	16.773.472.080
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	7.079.520.506	6.377.601.700
Trong đó:		
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	7.093.023.460	6.794.581.357
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(13.502.954)	(416.979.657)
Giảm do thanh lý công ty con	(425.617)	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(11.693.588.090)	(16.071.553.274)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	11.937.263.531	7.079.520.506
Trong đó:		
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	11.939.479.708	7.093.023.460
Thuế TNDN nộp thừa cuối năm	(2.216.177)	(13.502.954)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>				
Lợi nhuận chưa thực hiện	6.737.323.620	6.533.434.782	203.888.838	1.988.199.741
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-	(136.006.036)
TỔNG CỘNG	6.737.323.620	6.533.434.782	203.888.838	1.852.193.705
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>				
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trích lập tại công ty con	-	(158.731.393)	158.731.393	88.776.900
<i>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</i>			362.620.231	1.940.970.605

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm báo gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan	Bán điện	269.653.163.945	270.250.640.002
		Mua điện	280.414.837	-
		Lãi vay	-	2.719.668.986
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông	Lãi cho vay	12.745.635.977	4.200.762.513
		Dịch vụ tư vấn	631.000.000	875.000.000
		Khác	952.543.341	-
Bà Đặng Nhân Dung	Bên liên quan	Lãi cho vay	5.202.615.031	114.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác



Thù lao của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	<u>4.865.696.180</u>	<u>5.004.237.772</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan	Bán điện	<u>95.521.103.766</u>	<u>30.487.452.201</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan	Phí dịch vụ môi trường rừng	-	3.332.417.540
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	44.444.444
			<u>-</u>	<u>3.376.861.984</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông	Mua vật tư	1.141.411.373	425.150.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan	Mua điện	<u>24.979.802</u>	<u>10.726.320</u>
			<u>1.166.391.175</u>	<u>435.876.320</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bên liên quan	Cổ tức phải trả	<u>1.650.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông	Cho vay	110.000.000.000	155.000.000.000
Bà Đặng Nhân Dung	Bên liên quan	Cho vay	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Cho vay	-	10.000.000.000
			<u>164.000.000.000</u>	<u>165.000.000.000</u>

Vay dài hạn

Các cổ đông khác	Cổ đông	Vay	<u>5.608.578.323</u>	<u>-</u>
------------------	---------	-----	----------------------	----------

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Hoạt động sản xuất và bán điện: sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động xây lắp: xây dựng các công trình thủy điện và công trình dân dụng vừa và nhỏ;
- Hoạt động sản xuất và bán trụ bê tông ly tâm (“BTLT”): sản xuất và bán các loại trụ bê tông ly tâm; và
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cung cấp các dịch vụ tư vấn bảo trì, vận hành các dự án thủy điện.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Thông tin về doanh thu và lợi nhuận, tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Nhóm Công ty như sau:

						VND
	<i>Hoạt động sản xuất và bán điện</i>	<i>Hoạt động xây lắp</i>	<i>Hoạt động cung cấp dịch vụ</i>	<i>Hoạt động sản xuất và bán trụ BTLT</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Năm nay</i>						
Doanh thu						
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài</i>	339.771.278.303	-	13.183.743.537	1.400.339.090	-	354.355.360.930
<i>Trong nội bộ Nhóm Công ty</i>	29.614.314.954	29.244.594.261	19.675.908.668	-	78.534.817.883	-
Tổng doanh thu	<u>369.385.593.257</u>	<u>29.244.594.261</u>	<u>32.859.652.205</u>	<u>1.400.339.090</u>	<u>78.534.817.883</u>	<u>354.355.360.930</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh						
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	185.710.950.916	2.682.435.316	13.604.446.103	242.769.488	5.205.209.325	197.035.392.498
<i>Chi phí không phân bổ</i>						42.160.975.721
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>						34.358.886.783
<i>Chi phí tài chính</i>						41.440.117.460
<i>Lợi nhuận khác</i>						715.715.074
<i>Lợi nhuận trước thuế TNDN</i>						148.508.901.174
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>						16.551.756.732
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>						(362.620.231)
Lợi nhuận sau thuế TNDN						<u>132.319.764.673</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Số cuối năm

Tài sản và công nợ

Tài sản bộ phận

1.541.990.076.573 19.928.037.998 24.410.771.173 280.626.180 - 1.586.609.511.924

Tài sản không phân bổ

298.578.713.040

Tổng tài sản

1.885.188.224.964

Công nợ bộ phận

622.683.933.996 11.006.185.160 3.109.601.260 - - 636.799.720.416

Công nợ không phân bổ

86.392.945.627

Tổng công nợ

723.192.666.043



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Thông tin về doanh thu và lợi nhuận, tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Nhóm Công ty như sau:

VND

	<i>Hoạt động sản xuất và bán điện</i>	<i>Hoạt động xây lắp</i>	<i>Hoạt động cung cấp dịch vụ</i>	<i>Hoạt động sản xuất trụ BTLT</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Năm trước</i>						
Doanh thu						
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài</i>	329.688.213.265	2.554.649.320	2.771.743.878	3.759.538.854	-	338.774.145.317
<i>Trong nội bộ Nhóm Công ty</i>	48.357.239.605	26.180.095.707	20.704.169.446	-	95.241.504.758	-
Tổng doanh thu	<u>378.045.452.870</u>	<u>28.734.745.027</u>	<u>23.475.913.324</u>	<u>3.759.538.854</u>	<u>95.241.504.758</u>	<u>338.774.145.317</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh						
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	191.338.101.447	4.709.425.981	12.569.159.325	789.754.224	5.085.241.201	204.321.199.776
<i>Chi phí không phân bổ</i>						40.561.055.327
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>						44.614.700.782
<i>Chi phí tài chính</i>						76.314.705.282
<i>Lỗ khác</i>						(4.060.266.775)
<i>Lợi nhuận trước thuế TNDN</i>						127.999.873.174
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>						16.773.472.080
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>						(1.940.970.605)
Lợi nhuận sau thuế TNDN						<u>113.167.371.699</u>



Số đầu năm

Tài sản và công nợ

<i>Tài sản bộ phận</i>	1.234.510.706.420	17.028.223.739	2.957.689.504	110.206.400	-	1.254.606.826.063
<i>Tài sản không phân bổ</i>						<u>455.734.870.017</u>

Tổng tài sản

1.710.341.696.080

Công nợ bộ phận

558.470.476.825 6.644.584.768 956.529.184

-

- 566.071.590.777

Công nợ không phân bổ

73.389.618.424

Tổng công nợ

639.461.209.201

34. CÁC CAM LIÊN QUAN ĐẾN CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty có khoản cam kết 692.746.697.838 VND (31 tháng 12 năm 2014: 42.283.167.205 VND) chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ hoạt động xây dựng Nhà máy Thủy điện Alin B1 của Nhóm Công ty.

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trình bày theo hướng dẫn của Quyết định 15 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

VND

	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
--	---	----------------------	--

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đầu tư ngắn hạn	219.343.858.552	(219.343.858.552)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(343.858.552)	343.858.552	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	219.343.858.552	219.343.858.552
Phải thu ngắn hạn khác	4.412.796.539	3.082.301.618	7.495.098.157
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	17.540.986	17.540.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(456.789.414)	(343.858.552)	(800.647.966)
Tài sản ngắn hạn khác	3.099.842.604	(3.099.842.604)	-
Đầu tư dài hạn khác	691.183.500	(691.183.500)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	691.183.500	691.183.500
Quỹ đầu tư phát triển	10.311.937.404	27.342.627.324	37.654.564.728
Quỹ dự phòng tài chính	27.342.627.324	(27.342.627.324)	-

VND

	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại (*)</i>	<i>Năm trước (được trình bày lại)</i>
--	--	--------------------------	---

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Thu nhập khác	3.564.442.048	(551.431.419)	3.013.010.629
Chi phí khác	7.624.708.823	(551.431.419)	7.073.277.404

(*) Việc điều chỉnh này liên quan đến việc trình bày thu nhập và chi phí tài sản cố định thanh lý theo hướng dẫn của Thông tư 200.

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH:

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Ernst & Young.

38. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 được đăng tải đầy đủ trên website: <http://www.geccom.vn>.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Tân Xuân Hiền